**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP (Giải hpt bằng pp thế)**

**I. MỤC TIÊU**:

*- Kiến thức:* Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng qui tắc thế. HS hiểu cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế trong tất cả các trường hợp.

*- Kỹ năng:* HS biết giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế.

## *- Thái độ:* HS không bị lúng túng khi gặp trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm hoặc hệ có vô số nghiệm).

- *Định hướng phát triển năng lực*:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lí, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt Giải hpt bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế trong tất cả các trường hợp.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Giải hpt bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế. | Hiểu được quy tắc thế. Khái niệm hai hpt tương đương | Dùng quy tắc thế. để biến đổi một hpt thành hpt khác tương đương | -Vân dụng quy tắc thế tìm Tập nghiệm của hệ trình bậc nhất hai ẩn. | Giải hpt và biết kết luận tập nghiệm trong trường hơp vô N0, hoăc vô số N0. |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

Kiểm tra bài cũ: (Kiểm tra vở ghi của Hs)

**A. Khởi động:**

- Mục tiêu: Hs được củng cố lại quy tắc thế để giải một số hpt cụ thể.

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

- Sản phẩm: Quy tắc thế

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **H:** Quy tắc thế dung để làm gì? gồm mấy bước?  – để củng cố quy tắc thế, ta sẽ giải một số bài tập sau | Hs trả lời như sgk |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

- Mục tiêu: Hs áp dụng được pp thế để giải một số hpt cụ thể

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

- Sản phẩm: Hs giải được một số hệ phương trình cụ thể bằng phương pháp thế.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: Từ phương trình (1) em hãy biểu diễn x theo y?  I)  **GV.** Từ phương trình (1) em hãy biểu diễn x theo y?  *Đ/án*  GV: Giới thiệu quy tắc thế gồm hai bước thông qua hệ phương trình sau: (I)  GV: Từ phương trình 2 em hãy biểu diễn y theo x?  GV: Vừa thực hiện vừa hướng dẫn HS các bước trình bày theo quy tắc SGK.  GV: Chú ý HS bước rút ẩn từ một phương trình đã cho ẩn đó phải thuận lợi cho cách thực hiện.  GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài tập .  GV: Cho một Hs đứng tại chỗ trình bày các bước thực hiện của SGK.  GV: Vì sao người ta lại rút ẩn đó?  GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.  Giải hệ phương trình  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày  GV: Cho HS đại diện nhóm lên bảng trình bày cách thực hiện.  GV: Cho HS nêu chú ý SGK  GV: Nhấn mạnh lại chú ý  GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.  GV: Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế có mấy bước? Đó là những bước nào?  GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.  GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm. | Giải các hệ phương trình  1)    Vậy hệ phương trình đã cho có một nghiệm số duy nhất là (-8; -3)  2)    3)    Phương trình (\*) nghiệm đúng vơi mọi xR  Vậy hệ phương trình đã cho có vô số nghiệm  Dạng nghiệm tổng quát  4)    Phương trình (\*) vô nghiệm.  Vậy hệ phương trình đã cho vô nghiệm .  Cách 2: Trên mặt phẳng tọa độ, hai đường thẳng  4x + y =1 và 8x + 2y = 1 song song với nhau.  Vậy hệ phương trình đã cho vô nghiệm. |

**D. TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 15,16./SGK.Cách giải tương tự như các bài tập đã giải

– Chuẩn bị bài giải phương trình bằng phương pháp cộng đại số tiết sau học

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§4. GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP CỘNG ĐẠI SỐ**

**I. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức* : Học sinh hiểu được qui tắc cộng đại số

*2. Kỹ năng:* Học sinh biết biến đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại sốvà cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số, nâng cao kĩ năng giải hệ phương trình

*3. Thái độ:* Cẩn thận, linh hoạt

4. *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: NL biến đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số và NL giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Quy tắc cộng đại số. | Quy tắc cộng đại số . Nắm đc các bước của quy tắc cộng đại số. | Nhận dạng đc các hệ số của cùng một ẩn nào đó trong hai phương trình bằng nhau hoặc đối nhau | Áp dụng qui tắc giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số | Áp dụng qui tắc giải hpt khi các hệ số của cùng một ẩn trong hai pt không bằng nhau và không đối nhau. |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **H:** Nêu tóm tắt cách giải hpt bằng phương pháp thế  Giải hệ phương trình : | ***Trả lời:*** Nêu đúng tóm tắt (5đ)  Làm đúng BT  ĐS: hệ pt có một nghiệm duy nhất (x ; y ) = (3 ; -3) (5đ) |

**A. KHỞI ĐỘNG:**

Mục tiêu: Hs nhận xét được có thể giải được với pp khác bằng cách triệt tiêu các hệ số

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Cộng theo vế sẽ triệt tiêu được biến y đưa về pt bậc nhất với ẩn x

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Từ kết quả kiểm tra bài cũ. Gv đặt vấn đề  Nhận xét về dấu của các hệ số đứng trước y?  Liệu ta có thể giải bài toán trên bằng pp nào khác đơn giản hơn không? | - Hệ số đối nhau  - Hs nêu dự đoán |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

Mục tiêu: Hs nêu được quy tắc cộng đại số và áp dụng giải bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs thực hiện được phương pháp cộng đại số.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bước 1: GV. Giới thiệu quy tắc cộng thông qua VD1  H. Cho biết bước 1 ta làm gì?  B1: Cộng từng vế của 2 pt ta được:  (2x-y) + (x+y) =3 hay 3x = 3 (\*)  H. Cho biết bước hai ta làm gì?  B2. Thay pt (\*) cho pt (1) của hệ được  HS làm ?1 .  Bước 2: GV giới thiệu cách giải pt bằng quy tắc cộng (giải hệ pt bằng phương pháp cộng) | ***1. Quy tắc cộng đại số***  **Quy tắc (sgk)**  Ví dụ 1: Xét hệ phương  Bước 1(sgk)  Bước 2 (sgk)  ?1 Các hệ mới thu được  và |

**C. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG**

Mục tiêu: Hs áp dụng pp cộng đại số để giải bài tập trong từng trường hợp cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs giải được hpt bằng phương pháp cộng đại số.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bước 1: Gv hướng dẫn Hs nghiên cứu các bước giải của ví dụ để đưa ra cách giải trong từng trường hợp  HS trả lời ?2 và nghiên cứu phương pháp giải trong sgk sau đó lên bảng giải lại ví dụ  GV nhận xét giảng lại  H. Vậy để giải phương trình ở dạng này ta nên biến đổi những bước nào?  GV kết luận lại phương pháp đối với dạng này  GV nêu tiếp Ví dụ 3  HS làm ?3  H. Nêu nhận xét về hệ số của x trong 2 pt?  HS làm ?3 b t  GV cho một HS lên bảng trình  GV giới thiệu trường hợp 2 - nêu VD4  HS nghiên cứu sgk vảtrả lời câu hỏi  H. Hệ tương đương có được bằng cách nào?  HS giải ?4 – 1HS lên bảng trình bày bài giải  HS cả lớp cùng làm  H. Nhận xét bài giải? Cho biết kiến thức bạn đã vận dụng để giải ?  HS làm?5 theo nhóm trong 5’  Sau đó các đại diện các nhóm trình bày bài giải  GV nhận xét đánh giá, sửa sai nếu có  H . Vậy khi gặp hệ phương trình dạng này ta cần biến đổi như thế nào?  GV Tóm tắt cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số  HS đọc phần tóm tắt cách giải trong sgk | ***2. Áp dụng:***  1) Trường hợp 1 (các hệ số của cùng một ẩn nào đó trong hai phương trình bằng nhau hoặc đối nhau)  Ví dụ2. Xét hệ pt: (II)  ?2 Các hệ số của y đối nhauCCCCc II  Vậy hpt có nghiệm duy nhất (x;y) = (3;3)  Ví dụ 3 . Xét hpt (III)  ?3 a) Các hệ số của x trong hai phương trình bằng nhau    2) Trường hợp 2 (các hệ số của cùng một ẩn trong hai phương trình không bằng nhau và không đối nhau)  Ví dụ 4: Xét hệ phương trình  (IV)  ?4 (HS giải)  ?5 Cách khác: (IV)  HS giải tiếp  ĐS (x;y) = (3; -1)  Tóm tắt cách giải: SGK |

**D. TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

H: Phát biểu Quy tắc cộng đại số? Các bước giải hệ pt bằng phương pháp cộng đại số?(M1)

Gọi 3HS lên bảng giải BT 20 SGK

*b. Hướng dẫn về nhà*

Làm các bài tập: 20 d,e 21,22 / 19 sgk

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP (giải hpt bằng pp cộng đại số)**

**I. MỤC TIÊU**:

*1 Kiến thức:* Củng cố quy tắc cộng, vận dụng hợp lí quy tắc cộng để giải hệ phương trình

*2 Kỹ năng:* Rèn luyện kĩ năng giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số

*3. Thái độ:* Cẩn thận, linh hoạt

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Biến đổi hpt bằng quy tắc cộng đại sốvà cách giải hpt bằng pp cộng đại số.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Luyện tập Quy tắc cộng đại số. | Quy tắc cộng đại số . Nắm đc các bước của quy tắc cộng đại số. | Áp dụng qui tắc giải hpt bằng pp cộng đại số . | Áp dụng qui tắc giải hpt bằng pp cộng đại số giải hpt có chứa | Lập đc HPT từ ĐK đề bài .Áp dụng qui tắc giải hpt khi các hệ số của cùng một ẩn trong hai pt không bằng nhau và không đối nhau. |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra 15 p:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đề bài | Đáp án và biểu điểm |
| Giải các hệ phương trình sau:  a)  b) | a)  (5đ)  b)  (5đ) |

**A. KHỞI ĐỘNG:**

Mục tiêu: Hs thấy được việc áp dụng phương pháp phù hợp để giải hpt cụ thể

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: sử dụng pp tùy thuộc vào từng bài toán cụ thể.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Nêu quy tắc cộng đại số và quy tắc thế?  Nên sử dụng pp nào để giải hpt | Hs nêu như sgk  Hs nêu dự đoán |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG**

Mục tiêu: Vận dụng được quy tắc cộng đạ số để giải HPT

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs giải được hệ phương trình

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Nội dung*** |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs giải các bài tập  Một học sinh lên bảng giải  HS cả lớp theo dõi nhận xét két quả Gv đánh giá sửa sai( nếu có ) và cho điểm  nửa lớp giải bài 22b  nửa lớp giải bài 22c  Đại diện nhóm trình bày  GV nhận kết quả nêu lại kết luận các trường hợp vô nghiệm, vô số nghiệm  ***Bài 23***: sgk  Cá nhân học sinh suy nghĩ giải  1HS lên bảng trình bày bài giải  GV yêu cầu HS khác nhận xét bài làm của nhận  GV bổ sung nếu còn sai sót  HS cả lớp suy nghĩ giải bài 25  H. Dựa vào hướng dẫn trong bài hãy cho biết cách giải để tìm m và n?  HS giải tìm m, n  ***Bài 26***: sgk  H Hãy cho biết các giải đểtìm a,b?  H. Đồ thị hàm số đi qua điểm A, B suy ra điều gì?  H. Hãy giải hệ đểtìm a, b?  Một HSlên bảng giải HS lớp nhận xét | ***Bài 21b Giải hệ phương trình***      Vậy hệ phương trình có một nghiệm (x;y) =  ***Bài 22 / 19/sgk***  b)  Phương trình (\*) vô nghiệm. Vậy hệ đã cho vô nghiệm  c)  Hệ có vô số nghiệm  ***Bài 23/sgk:*** giải hệ phương trình    ***Bài 25/19sgk***  P(x) = (3m - 5n+1) x +(4m -n -10)  P= 0 khi và chỉ khi  Giải hệ trên ta được m =3; n =2  ***Bài 26/19sgk***  a) Vì đồ thị hàm số y =ax +b đi qua điểm A(2;-2) và B (-3;2) nên ta có hệ |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

*Quy tắc cộng đại số ?( M1)*

*b. Hướng dẫn về nhà*

Làm các bài tập: 20 d,e 21,22 / 19 sgk

Xem trước bài giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§5.§6. GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP HỆ PHƯƠNG TRÌNH**

**I. MỤC TIÊU**:

*1- Kiến thức:*Học sinh hiểu được phương pháp giải bài toán bằng lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn

*2- Kỹ năng:* HS có kĩ năng giải các loại toán về quan hệ giữa các số, chữ số và loại toán chuyển động

*3- Thái độ:* Chú ý, tập trung trong học tập

4*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Giải các loại toán về quan hệ giữa các số, chữ số và loại toán chuyển động

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Giải bài toán bằng lập hệ phương trình | các bước giải bài toán bằng cách lập hpt. | Từ ĐK đề bài lập đc hệ phương trình . | AD các bước giải toán bằng cách lập pt. Giải đc dạng toán về tìm chữ số. | Áp dụng các bước giải bài toán bằng cách lập hpt. Giải đc dạng toán |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:**

|  |  |
| --- | --- |
| Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình  Giải hệ phương trình | Nêu đúng các bước (4đ)  Giải đúng (6đ)  ĐS: (x;y) =(7;4) |

**A. KHỞI ĐỘNG:**

Mục tiêu: Bước đầu hs nắm được các bước giải toán bằng cách lập hpt

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: dự đoán của hs

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| Nêu các bước giải toán bằng cách lập pt ở lớp 8  Giải toán bằng cách lập hpt sẽ có những bước nào? | Hs nêu dự đoán |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Bài toán tìm số**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải toán bằng cách lập hpt giải bài toán tìm số

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs nắm được cách giải toán về quan hệ giữa các số

NLHT: NL giải toán về quan hệ giữa các chữ số

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **\*Bước 1:**  GV các bước giải bài toán bằn cách lập hệ phương trình cũng được thực hiện tương tự  HS đọc ví dụ 1  H. Để tìm được số tự nhiên có hai chữ số này ta cần xác định được hai đại lượng nào?  H. Với gt của bài thì điều kiện đầu tiên của hai chữ số này là gì?  HS nghiên cứu bài giải và trình bày lại cách giải – GV ghi tóm tắt các bước giải trên bảng  HS cả lớp giải hệ phương trình  1HS lên bảng giải hệ (I)  H. Nhận xét bài giải  GV hướng dẫn học sinh so điều kiện và trả lời bài toán  **\*Bước 2:**Gv yêu cầu Hs rút ra các bước giải  bài toán bằng cách lập hệ phương trình. | **Ví dụ 1 ( đề bài sgk)**  Giải:  Gọi x là chữ số hàng chục; y là chữ số hàng đơn vị ( )  Thì số cần tìm là: 10 x +y  Viết ngược lại ta có số 10y +x  Theo đk bài ta có phương trình 2y – x =1  Hay –x + 2y = 1  Theo đk của bài ta có  ( 10x +y ) – ( 10y +x) =27  Hay x-y = 3  Từ đó, ta cóhệ phương trình (I)  ?2 (I)  (x =7; y = 4) thỏa mãn điều kiện của ẩn  Vậy số cần tìm là 74 |

**C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**Hoạt động 2: Bài toán chuyển động**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải toán bằng cách lập hpt giải bài toán chuyển động

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân cặp đôi

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs nắm được quan hệ giữa các số trong bài toán chuyển động

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **\*Bước 1:**GV nêu đề ví dụ 2  H. Phân tích và cho biết thời gian mỗi xe chạy từ lúc khởi hành đến chỗ găïp nhau?  HS hoạt động nhóm để giải ?3 và ?4  Cá nhân giải hệ phương trình và trả lời bài toán  GV hướng dẫn HS giải hệ phương trình  Phương trình 2 chú ý quy đồng 2 vế bỏ mẫu  1HS lên bảng giải  H. Hãy so điều kiện và trả lời bài toán  **\*Bước 2:**Chốt lại dạng tốn đã giải | **Ví dụ 2 (đề bài sgk)**  Giải  Thời gian xe khách đã đi là ; 1h48’ =  Thời gian xe tải đã đi là (1h + ) = h  Gọi vận tốc của xe tải là x (km/h) và vận tốc của xe khách là y ( km/ h) (x > 0; y > 0)  Mỗi giờ xe khách đi nhanh hơn xe tải 1 km nên ta có y – x = 13  Quãng đường xe tải đi được  x (km)  Quãng đường xe khách đi được là y(km)  Ta có hệ phương trình ?5  (thỏa mãn điều kiện )  Vậy vận tốc xe khách là 49 km/HS  Vận tốc xe tải là 36km/h |

**D. TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*b. Hướng dẫn về nhà*

Làm các bài tập: 29, 30 sgk

Xem trước bài giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§5§6. GIẢI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP HỆ PHƯƠNG TRÌNH (tiếp) – LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**:

*1- Kiến thức:*Học sinh hiểu được phương pháp giải bài toán bằng lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn

*2- Kỹ năng:* có kỉ năng phân tích và giải bài toán dạng làm chung, làm riêng, vòi nước chảy

*3- Thái độ:* Chú ý, tập trung trong học tập

4- *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Giải các loại toán dạng làm chung, làm riêng, vòi nước chảy.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Giải bài toán bằng lập hệ phương trình | các bước giải bài toán bằng cách lập pt. | Từ ĐK đề bài lập đc hpt. | Áp dụng các bước giải bài toán bằng cách lập pt. Giải đc làm chung, làm riêng, vòi nước chảy | Giải đc dạng toán làm chung, làm riêng, vòi nước chảy. |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ**

|  |  |
| --- | --- |
| Đề bài | Đáp án |
| HS: Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập hpt  Chữa bt 35 tr 9 SBT | Nêu đúng các bước (5đ)  Đáp số: Hai số phải tìm là 34 và 25 (5đ) |

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Bước đầu hs nhận thấy khó khăn với việc giải hpt có ẩn ở mẫu.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Phương pháp giải hpt bằng cách đặt ẩn phụ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Ta đã giải được hpt  bằng nhiều pp đã học. Nhưng với hpt:  thì ta giải ntn? | Hs nêu dự đoán |

**B. Hoạt động hình thành kiến thức:**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải toán bằng cách lập hpt để làm một số bài toán năng suất.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs giải được bài toán về năng xuất và giải được hpt bằng cách đặt ẩn phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bước 1: Gv hướng dẫn Hs thực hiện ví dụ 3  G- đưa bảng phụ có ghi ví dụ 3 tr 21 sgk:  Gọi học sinh đọc đề bài ví dụ  H: Ví dụ trên thuộc dạng toán nào?  H: Bài toán có những đại lượng nào?  H: Cùng một khối lượng công việc, giữa thời gian hoàn thành và năng suất là hai đại lượng có quan hệ như thế nào?  G- đưa bảng phân tích và yêu cầu học sinh nêu cách điền   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thời gian  HTCV | Năng suất  1 ngày | | Hai đội |  |  | | Đội A |  |  | | Đội B |  |  |   Nêu cách chọn ẩn và đặt Điều kiện cho ẩn  H: Lập phương trình biểu thị năng suất một ngày đội A làm gấp rưỡi đội B ?  H: Tính công việc đội A làm trong một ngày, đội B làm trong một ngày và có hai đội làm trong một ngày và lập phương trình?  Gv hướng dẫn Hs về nhà nghiên cứu bài tập ?6 và ?7  Gv chốt lại vấn đề và nhấn mạnh khi lập phương trình dạng toán làm chung làm chung làm riêng không được cộng thời gian mà chỉ được cộng năng suất; năng suất và thời gian là hai đại lượng nghịch đảo nhau. | Ví dụ 3: (sgk. Tr21)  Gọi thời gian đội A làm một mình hoàn thành công việc là x (ngày, x > 24)  Và thời gian đội B làm một mình hoàn thành công việc là y (ngày, y > 24)  Trong một ngày đội A làm được  (công việc)  Trong một ngày đội B làm được  (công việc)  Năng suất một ngày đội A làm gấp rưỡi đội B nên ta có phương trình:  = .  (1)  Hai đội làm chung 24 ngày thì HTCV, nên một ngày hai đội làm được  (công việc)  Vậy ta có phương trình:  +=  (2)  Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình |

**C. Luyện tập – vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức trên để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs giải được bài toán bằng cách lập hệ phương trình

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs làm các bài tập.  +Cho HS đọc bài 34 tr 24 SGK  +Bài toán này có mấy đại lượng tham gia?  HS : Trong bài toán này có các đại lượng là: số luống, số cây trồng một luống và số cây cả vườn.  +Hãy điền vào bảng phân tích đại lượng và đặt điều kiện cho ẩn.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Số luống | Số cây 1 luống | Số cây cả vườn | | Ban đầu | x | y | xy(cây) | | Thay đổi 1 | x + 8 | y- 3 | (x+8). .(y-3) | | Thay đổi 2 | x - 4 | y + 2 | (x-4). .(y+2) |   GV: hướng dẫn bài tập 45 tr 10 SBT.  H: Bài toán có đại lượng nào tham gia?  H: Số ngày làm và khối lượng công việc là hai đại lượng như thế nào?  +Hãy điền vào bảng phân tích.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thời gian | Năng suất | | Hai người | 4(ngày) |  | | Người I | x(ngày) |  | | Người II | y(ngày) |  |   ĐK: x, y > 4  Yêu cầu hs về nhà tiếp tục giải. | Bài 34 tr 24 SGK  Gọi x(luống), y(cây) lần lượt là số luống và số cây cải bắp trong mỗi luống. (x, y  N và x > 4 ; y > 3).  Theo đề toán ta có hệ p/t:      (TMĐK)  Vậy số cây cải bắp vườn nhà Lan trồng là: 50.15 = 750(cây).  Bài tập 45 tr 10 SBT.  Gọi x(ngày), y(ngày) là thời gian của người thứ nhất và thứ hai làm một mình xong công việc.(x, y > 4).  Ta có hệ phương trình: |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà.**

+ Học bài, xem lại các BT đã giải.

+ Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập tiết sau ôn tập chương.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I. MỤC TIÊU**:

1. Kiến thức: Củng cố các kiến thức trong chương, đặc biệt chú ý: Khái niệm nghiệm và tập nghiệm của phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn cùng với minh họa hình học của chúng. Các phương pháp giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn: Phương pháp thế và phương pháp cộng đại số.

2. Kĩ năng: Củng cố và nâng cao kĩ năng giải phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn

3. Thái độ: Nhanh, cẩn thận, chính xác.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ, NL làm chủ bản thân

- Năng lực chuyên biệt: NL giải toán bằng cách lập hpt, giải hpt

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Ôn tập chương III | Hs nắm được các kiến thức về cách giải hpt bằng pp thế và pp cộng đại số | Dùng quy tắc thế. để biến đổi một hpt thành hpt khác tương đương. Nhận dạng đc các hệ số của cùng một ẩn nào đó trong hai phương trình bằng nhau hoặc đối nhau | Giải được hpt | |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (trong các hoạt động)

**A. Khởi động: (ôn tập lý thuyết)**

Mục tiêu: Hs củng cố lại các kiến thức đã học bằng cách trả lời một số câu hỏi.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: SGK

Sản phẩm: Các kiến thức liên quan của chương

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| GV: Thế nào là phương trình bậc nhất hai ẩn? Cho ví dụ ?  GV: Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn:  a) 2x -y = 3 b) 0x + 2y = 4  c) 0x+ 0y = 7 d) 5x - 0y = 0  e) x + y - z = 7 f) 2x = 0  GV: Phương trình bậc nhất hai ẩn có bao nhiêu nghiệm?  H: Trong mặt phẳng tọa độ tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn được biểu diễn như thế nào?  H: Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn có dạng thế nào?  H: Một hệ phương trình bậc nhất hai ẩn có thể có bao nhiêu nghiệm?  H: Nêu các cách giải hpt đã học ? Nêu quy tắc thế và quy tắc cộng đại số ? | **1. Ôn tập về phương trình bậc nhất hai ẩn.**  **\* Phương trình bậc nhất hai ẩn:**  - Hệ thức dạng: ax + by = c (a 0 hoặc b 0)  - Phương trình bậc nhất hai ẩn ax + by = c bao giờ cũng có vô số nghiệm.  **2. Ôn tập về hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.**  Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn có dạng:    - Có nghiệm duy nhất nếu (d) cắt (d’)  - Vô nghiệm nếu (d) // (d’)  - Vô số nghiệm nếu (d) trùng (d’)  3. Các cách giải hpt  + PP hình học + PP thế + PP cộng đại số |

**B. Hình thành kiến thức**

**C. Luyện tập vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng các cách giải hpt để làm một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs làm được các bài toán giải hpt bằng pp thế, pp cộng đại số và pp hình học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs làm một số bài tập  +GV:Cho HS hoạt động nhóm giải bài tập 40 tr 27 SGK.  Chia làm 3 lượt, mỗi lượt chia nửa lớp thành một nhóm, hai nhóm làm một bài theo yêu cầu sau:  -Dựa vào các hệ số của hệ, nhận xét số nghiệm của hệ.  -Giải hệ bằng phương pháp cộng hoặc thế.  -Minh hoạ hình học kết quả tìm được.    Bước 2: Gv chốt lại vấn đề. | **Bài 40**  a)  C1: Có Hpt vô nghiệm  C2:  Hpt vô nghiệm  b)    C1: \*Có   hpt có một nghiệm duy nhất.  C2:  c)  C1: \*Có  hpt có vô số nghiệm.    Hệ p/t có vô số nghiệm.  NTQ: |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs thảo luận theo cặp để giải các hpt sau đây bằng hai cách.  Giải hpt:  1.  2.  GV gọi HS lên bảng sửa bài về nhà.  HS: Cả lớp theo dõi nhận xét và sửa bài vào vở  GV: Gọi HS nhận xét sửa sai  Giáo viên có thể hướng dẫn lại sau khi gọi HS nhận xét  GV: Đánh giá, sửa hoàn chỉnh | Giải bằng PP thế  1)    2)    Giải bằng pp cộng đại số  1)  2) |

**D. Tìm tòi mở rộng**

Mục tiêu: Hs vận dụng các cách giải hpt để làm một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs làm được các bài toán giải hpt bằng pp thế, pp cộng đại số

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| +Giải các hệ phương trình sau:  Bài tập 51(c) tr 11 SBT    +HD:Đưa về dạng quen thuộc ta làm như thế nào?  HS: Chuyển các ẩn sang vế trái còn hạng tử tự do ở vế phải.  +Khai triển, rút gọn rồi giải.  Bài 41(a) SGK    HD: Giả sử muốn khử ẩn x, hãy tìm hệ số nhân thích hợp của mỗi phương trình.  HS : Nhân hai vế của phương trình (1) với (1 - ) và nhân hai vế của phương trình (2) với , | Bài tập 51(c) tr 11 SBT      Bài 41(a) SGK  Nhân hai vế của phương trình (1) với (1 - ) và nhân hai vế của phương trình (2) với , ta có:    Trừ từng vế hai phương trình được:  3y =  y =  Thay y =  vào (1), x = |

**E. Hướng dẫn về nhà.**

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Học bài, xem lại các bài tập đã giải, nắm lại pp giải hpt.

+ Xem lại PP giải toán bằng cách lập hpt đã học.

+Tiết sau tiếp tục ôn tập chương III.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I. MỤC TIÊU**:

1. Kiến thức: Củng cố các kiến thức trong chương, đặc biệt chú ý: các bước giải toán bằng cách lập Hpt

2. Kĩ năng: Củng cố và nâng cao kĩ năng giải phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn

3. Thái độ: Nhanh, cẩn thận, chính xác.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ, NL làm chủ bản thân

- Năng lực chuyên biệt: NL giải toán bằng cách lập hpt, giải hpt

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Ôn tập chương III | Hs nắm được các bước giải toán bằng cách lập Hpt | Dùng lập luận để viết được phương trình từ dữ kiện của bài toán. | Giải được bài toán bằng cách lập Hpt | |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (trong các hoạt động)

**A. Khởi động: (ôn tập lý thuyết)**

Mục tiêu: Hs củng cố lại các kiến thức đã học bằng cách trả lời một số câu hỏi.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân

Phương tiện và thiết bị dạy học: SGK

Sản phẩm: Các kiến thức liên quan của chương

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV:  H: Nêu các cách giải hpt đã học ? Nêu quy tắc thế và quy tắc cộng đại số ?  H: Nêu các bước giải toán bằng cách lập hpt ? | *Phương pháp thế*      + Bước 1: Từ một phương trình của hệ đã cho (coi là PT (1)), ta biểu diễn một ẩn theo ẩn kia, rồi thế vào phương trình thứ hai (PT (2)) để được một phương trình mới (chỉ còn một ẩn).      + Bước 2: Dùng phương trình mới ấy để thay thế cho PT (2) trong hệ (PT (1) cũng thường được thay thế bởi hệ thức biểu diễn một ẩn theo ẩn kia).  *Phương pháp cộng đại số*      + Bước 1: Cộng hay trừ từng vế hai phương trình của hệ phương trình đã cho để được một phương trình mới.      + Bước 2: Dùng phương trình mới ấy thay thế cho một trong hai phương trình của hệ (giữ nguyên phương trình kia).  Chú ý:      + Trong phương pháp cộng đại số, trước khi thực hiện bước 1, có thể nhân hai vế của mỗi phương trình với một số thích hợp (nếu cần) sao cho các hệ số của một ẩn nào đó trong hai phương trình của hệ là bằng nhau hoặc đối nhau.      + Đôi khi ta có thể dùng phương pháp đặt ẩn phụ để đưa hệ phương trình đã cho về hệ phương trình với hai ẩn mới, rồi sau đó sử dụng một trong hai phương pháp giải ở trên.  *Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình*      + Bước 1: Lập hệ phương trình:     \* Chọn hai ẩn và đặt điều kiện thích hợp cho chúng.     \* Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo các ẩn và các đại lượng đã biết.  \* Lập hai pt biểu thị mqh giữa các đại lượng  + Bước 2 : Giải hpt vừa tìm được  + Bước 3 : Kết luận nghiệm |

**B. Hình thành kiến thức**

**C. Luyện tập vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng các cách giải hpt để làm một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs làm được các bài toán giải toán bằng cách lập hpt

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bài 45 tr 27 SGK(đưa đề bài trên bảng phụ)  GV: Tóm tắt đề.  Hai đội (12 ngày ) HTCV  Hai đội + Đội II HTCV  (8 ngày) (NS gấp đôi ; 3)  GV kẽ bảng phân tích đại lượng, cho HS điền vào bảng.  HS; Phân tích đề bài và điền vào bảng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thời gian HTCV | Năng suất 1 ngày | | Đội I | x (ngày) | (CV) | | Đội II | y (ngày) | (CV) | | Hai đội | 12 | (CV) |     Gọi HS1: Hãy dựa vào các điều kiện và lập phương trình (1)  GV: Hãy phân tích tiếp trường hợp còn lại để lập phương trình 2.  +Cho HS giải hệ phương trình  Hs lập hpt dưới sự hướng dẫn của giáo viên và tiến hành giải hệ để kết luận nghiệm của bài toán  Bài 46 Tr 27 SGK  (GV đưa đề lên bảng phụ)  GV hướng dẫn HS phân tích bảng.  +Chọn ẩn và điền vào bảng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Năm ngoái | Năm nay | | Đơn vị 1 | x (tấn) | 115% x  (tấn) | | Đơn vị 2 | y (tấn) | 112% y  (tấn) | | Hai đơn vị | 720 (tấn) | 819 (tấn) |   +Năm nay đơn vị thứ nhất vượt mức 15%, vậy đơn vị đạt bao nhiêu % so với năm ngoái?  Đơn vị thứ hai cũng hướng dẫn tương tự.  +HS lập hệ phương trình và gọi một HS khác lên giải hệ.  Hs lập hpt dưới sự hướng dẫn của giáo viên và tiến hành giải hệ để kết luận nghiệm của bài toán | **Bài 45**  Gọi x(ngày) là thời gian đội I làm riêng để hoàn thành công việc. y(ngày) là thời gian đội II làm riêng( với năng suất ban đầu) để HTCV.  ĐK: x, y > 12.  Trong 1 ngày đội I làm được  Trong 1 ngày đội II làm được  Trong 1 ngày hai đội làm được (CV). Ta có phương trình:  (1)  HS: Hai đội làm trong 8 ngày thì được  Đội II làm với năng suất gấp đôitrong 3,5 ngày thì hoàn thành CV, ta có phương trình.  (2)  Ta có hệ phương trình:    Bài 46  Gọi x, y(tấn) lần lượt là sản lượng năm ngoái của đơn vị thứ nhất và đơn vị thứ hai thu được. (x > 0 ; y > 0)  Ta có hệ phương trình:    Năm ngoái đơn vị thứ nhất thu hoạch được 420 tấn thóc, đơn vị thứ hai thu được 300 tấn thóc.  Năm nay đơn vị thứ nhất thu hoạchđược  Đơn vị thứ hai thu được |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà.**

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Học bài, xem lại các bài tập đã giải, nắm lại pp giải hpt.

+ Xem lại PP giải toán bằng cách lập hpt đã học.

+Tiết sau kiểm tra một tiết

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**CHƯƠNG IV HÀM SỐ y = ax2 - PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN**

**§1§2. HÀM SỐ y = ax2 ( a 0) VÀ ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ y = ax2 ( a 0)**

**A. MỤC TIÊU**:

*1- Kiến thức :* Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2

*2- Kỹ năng:* *:* Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

*3- Thái độ:* Chú ý, tập trung trong học tập

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Hàm số y = ax2 | VD hàm số y = ax2 | hiểu tính chất của hàm số y = ax2 (a 0) | **3. Bài tập**  Bài tập 1 trang 30 SGK |  |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (không kiểm tra)

**3. Khởi động:** (giới thiệu chương)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv giới thiệu chương trình nội dung chương IV về những kiến thức kĩ năng cơ bản mà Hs cần đạt được | Hs lắng nghe và chú ý các nội dung quan trọng |
| Mục tiêu: Bước đầu hình thành cho hs ý thức học tập nội dung chương  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các kiến thức trọng tâm của chương | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Ví dụ mở đầu – Cá nhân**  Mục tiêu: Hs nêu được khái niệm về hàm số y = ax2.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: khái niệm sgk  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs tìm hiểu vd  GV: Gọi HS đọc ví dụ mở đầu  GV: Nhìn vào bảng trên, em hãy cho biết s1 = 5 được tính như thế nào?  GV: Trong công thức s = 5t2, nếu thay s bởi y, thay t bởi x, thay 5 bởi a ta có công thức nào? (y = ax2)  GV: Trong thực tế còn nhiều cặp đại lượng cũng được liên hệ bởi công thức dạng y = ax2 như diện tích hình vuông S = a2 , diệntích hình tròn S = R2…. Hàm số y = ax2 là dạng đơn giản nhất.  Bước 2: Gv Chốt lại khái niệm hàm số y = ax2. | ***1.Ví dụ mở đầu:*** *(sgk*)  - Quãng đường chuyển động rơi tự do được biểu diễn bởi công thức : s = 5t2 .  t là thời gian tính bằng giấy (s), S tính bằng mét  ( m) , mỗi giá trị của t xác định giá trị tư­ơng ứng duy nhất của s .   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | t | 1 | 2 | 3 | 4 | | S | 5 | 20 | 45 | 80 |   S1= 5.12 = 5 ; S4 = 5.42 = 80  - Công thức S = 5t2  biểu thị một hàm số dạng  y = ax2 với a ≠ 0 |
| **Hoạt động 2: Tính chất của hàm số y = ax2 (a ≠ 0) – Cá nhân + Nhóm**  Mục tiêu: Hs nêu được tính chất của hàm số y = ax2 từ ví dụ cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Tính chất của hàm số y = ax2  NLHT: NL xác định tính tăng, giảm của một hàm số cụ thể | |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs tìm hiểu tính chất của hàm số y = ax2(a 0)  **H:** Xác định hệ số a ở hai hàm số y = 2x2 và y = - 2x2?  -Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm **?1**  -HS tiếp tục thảo luận nhóm, đại diện đứng tại chỗ để trả lời **?2**, GV chốt lại, ghi bảng  Gợi ý HS : nhắc lại khái niệm đồng biến, nghịch biến của hàm số  Bước 2: GV dẫn dắt HS suy nghĩ cá nhân phát biểu tổng quát về tính chất của hàm số y = ax2(a 0). HS đọc SGK.  GV nhấn mạnh tính xác định của hàm số y = ax2(a 0). Lưu ý HS đến hệ số a > 0 và a < 0  -HS thảo luận nhóm để thực hiện **?3**  -Đại diện nhóm đứng tại chỗ trình bày, các nhóm khác tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại, ghi bảng  -Dựa vào **?3** GV dẫn dắt HS phát biểu nhận xét SGK  -HS làm **?4**, 2 HS lên lên bảng thực hiện. Dẫn dắt HS nêu kết luận về nhận xét trên | ***2. Tính chất của hàm số******y = ax2 (a 0)***  **?1.** SGK  **?2.** SGK  **\*** Đối với hàm số y = 2x2  –*Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y giảm*  *-Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y tăng*  **\*** Đối với hàm số y = - 2x2  –*Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y tăng*  *-Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y giảm*  TÍNH CHẤT: (*sgk*)  **?3**  \* Xét hàm số : y = 2x2  Vì 2x2 luôn luôn dương với mọi x 0 nên khi x 0 thì y > 0. Khi x = 0 thì y = 0  \* Xét hàm số : y = - 2x2  Vì -2x2 luôn luôn âm với mọi x 0 nên khi x 0 thì y < 0. Khi x = 0 thì y = 0  \****Nhận xét*:**(sgk)  **?4** SGK |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

H: Tính chất của hàm số y = ax2(M2)

Bài tập 1 trang 30 SGK ( *M3)*

*Đáp án* a)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| R(cm) | 0,57 | 1,37 | 2,15 | 4,09 |
| S = R2(cm2) | **1,02** | **5,89** | **14,51** | **52,53** |

b) Giả sử R’ = 3R thế thì S’ = R’2 = (3R) = .9R2 = 9R2 = 9S. Vậy : *Diện tích tăng 9 lần*

c) R2 = 79,5. Suy ra R2 = . Do đó: R = 

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Học bài theo vở ghi và SGK

- HS làm bài tập 2, 3/ 31 SGK

- Xem trước bài “đồ thị hàm số y = ax2”

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§1§2. HÀM SỐ y = ax2 ( a 0) VÀ ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ y = ax2 ( a 0) (tiếp theo)**

**A. MỤC TIÊU**:

1. Kiến thức: Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2 . Biết được dạng của đồ thị hàm số y = ax2 (a 0). Hiểu được tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất hàm số

2. Kỹù năng: Vẽ được đồ thị

3. Thái độ: Chú ý, tập trung trong học tập .Yêu thích môn học

4. Xác định nội dung trọng tâm: Vẽ được đồ thị

5. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Đồ thị hàm số y = ax2 | Tìm hiểu đồ thị với trường hợp a > 0, Tìm hiểu đồ thị với trường hợp a < 0 | hiểu tính chất của đt hàm số y = ax2(a 0) | về đồ thị của hàm số y = ax2(a 0). trường hợp a > 0 và a < 0 . | Bài tập 4 sgk |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

H: Nêu tính chất của hàm số y = ax2 và nhận xét (10đ) – Đáp án: sgk

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Để vẽ đồ thị hàm số y = ax + b có dạng là một đường thẳng thì ta chỉ cần tìm hai điểm trên mp tọa độ. Vậy đồ thị hàm số y = ax2 có dạng như thế nào và ta cần tối thiểu là bao nhiêu điểm? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu hs nắm được dạng của đồ thị hàm số y = ax2 và cách vẽ.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: đồ thị hàm số y = ax2 là đường cong parabol | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu dạng đồ thị hàm số y = ax2 thông qua ví dụ 1- Cá nhân**  Mục tiêu: Hs nêu được dạng của đồ thị hàm số y = ax2 là một đường cong đi qua gốc tọa độ.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL xác định dạng của đồ thị hàm số y = ax2 | |
| Bước 1: Gv hướng dẫn hs tìm hiểu ví dụ 1 SGK  GV: Lấy bảng giá trị trang 33 sgk, vẽ đồ thị hàm số y = 2x2. Trên mặt phẳng toạ độ lấy các điểm  A(-3,18); B(-2;8), C(-1;2), O(0;0); C’(1;2) , B’(2;8), A’(3;18)  HS: Theo dõi, quan sát khi GV vẽ đường cong đi qua các điểm đó.  GV: Nhận xét dạng đồ thị qua bài ?1  Bước 2: GV giới thiệu cho HS tên gọi của đồ thị là Parabol | **1. Ví dụ 1.**  Đồ thị của hàm số y = 2x2 (a = 2 > 0)  \* Bảng giá trị (sgk.tr33)  - Đồ thị của hàm số y = 2x2 nằm phía  trên trục hoành, nhận Oy làm trục  đối xứng và điểm O(0; 0) làm cực tiểu. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 thông qua ví dụ 2- Cá nhân + nhóm**  Mục tiêu: Hs vẽ được đồ thị hàm số y = ax2  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: đồ thị của một số hàm số y = ax2 cụ thể  NLHT: NL vẽ được đồ thị hàm số y = ax2 | |
| GV: Cho HS lên bảng lấy các điểm trên mặt phẳng tọa độ và vẽ đồ thị của hàm số y = -x2  GV: Sau khi HS vẽ cho HS làm ?2  Nhận xét một vài đặc điểm của đồ thị và rút ra nhận xét?  GV: Qua 2 ví dụ em có nhận xét gì về đồ thị của hàm số y = ax2 (a0)?  GV: Giới thiệu tổng quát  GV: Yêu cầu HS rút ra nhận xét  GV: Gọi HS đọc nhận xét SGK  GV: Yêu cầu HS hoạt động theo 3 nhóm làm ?3 trong thời gian 7 phút  HS: Thực hiện yêu cầu của GV  GV: Gọi HS đại diện nhóm trả lời  HS: Nhóm khác nhận xét  GV : Giới thiệu chú ý  HS: Đọc chú ý trong SGK  Bước 2: Gv chốt lại vấn đề và giảng giải cho HS chú ý SGK.  Nhấn mạnh cách dựa vào tính đối xứng của đồ thị để lập bảng, vẽ đồ thị thuận tiện và dễ dàng hơn, tính đồng biến và nghịch biến thể hiện trên đường cong của đồ thị | **2.Ví dụ 2.**  Đồ thị của hàm số y = -x2 (a = -< 0)  \* Bảng giá trị (sgk.tr34)  - Đồ thị của hàm số y = -x2 nằm phía dưới trục hoành, nhận Oy làm trục đối xứng và điểm O(0; 0) làm cực đại  \*  **Nhận xét** (sgk.tr35)  **?3** Cho hàm số : y = x2  a) **Cách 1:**  Với x = 3,  ta có: y = .32 = 4,5  \* **Cách 2:**    -So sánh hai kết quả ta đều  được : y = 4,5  b)    -Có hai điểm:  Ước lượng:  x- 3,16 và  x  3,16  \* **Chú ý**:(sgk.tr35) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

**Bài tập 4/sgk.tr36:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y =x2 | **6** |  | **0** |  | **6** | | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y =-x2 | **-6** | **-** | **0** | **-** | **-6** | |

Nhận xét: Các điểm thuộc hai đồ thị lần lượt đối xứng với nhau qua trục Ox,

O là điểm chung của hai đồ thị

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Đọc bài đọc thêm SGK. BTVN 6/ 37 SGK

-Chuẩn bị bài tập phần luyện tập để tiết sau luyện tập.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

1. Kiến thức : -Vận dụng công thức của các hàm số dạng y = ax2 để tính các đại lượng có trong công thức .

2. Kỹ năng: : Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

3. Thái độ: Chú ý, tập trung trong học tập

4. Xác định nội dung trọng tâm: Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2

5. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số. Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về hàm số dạng y = ax2

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Luyện tập | Cho Vd về hàm số y = ax2 | Tính chất của hàm số y = ax2 (a 0) | ***Bài tập*** 2/36 sbt | ***Bài tập*** 4/36 sbt |

E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**Câu hỏi:** Phát biểu nhận xét về đồ thị của hàm số y = ax2. (4đ)

Vẽ đồ thị hàm số số y = - 2x2 (6đ)

**Đáp án:** Nhận xét về đồ thị của hàm số y = ax2 (sgk.tr35)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| x | - 2 | - 1 | 0 | 1 | 2 |
| y= - 2x2 | - 8 | - 2 | 0 | - 2 | - 8 |

Vẽ đồ thị hàm số số y = - 2x2

Ta có : A(-2; -8) ; B(-1 ; -2) ; O(0 ; 0) ; A’(2 ; -8) ; B’(2 ; -8)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv hỏi: Để nắm vững và vận dụng tốt kiến thức về hàm số và cách vẽ đồ thị hàm số thì ta phải làm gì? | Làm nhiều bài tập |
| Mục tiêu: Gây hứng thú học tập cho học sinh thông qua các hoạt động giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Bài tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải các bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL vẽ đồ thị hàm số y = ax2 và xác định các điểm thuộc đồ thị | |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs làm bài tập.  GV: Yêu cầu HS đọc đề bài 6/sgk.tr38  GV: Gọi HS lên sửa bài về nhà  H: Để vẽ đồ thị hàm số y = x2 ta làm như thế nào?  GV: Nêu cách tính f(-8), f(-1,3)?  GV: Yêu cầu HS nêu cách làm các câu c ,d?  GV Hướng dẫn HS về nhà làm  Bài 7/sgk.tr38  H: Làm thế nào để tìm được hệ số a?  H: Muốn biết A có thuộc đồ thị hàm số không ta làm như thế nào?  GV cho HS làm bài trên phiếu học tập  GV: Gọi HS lên trình bày câu a, b  GV: Gọi HS khác lên làm câu c  Giáo viên chấm bài của một vài HS nhận xét  Giáo viên uốn nắm sửa sai theo đáp án  GV: Đưa thêm 2 câu d, e. Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm 1 câu  GV: Gọi HS đại diện nhóm lên bảng trình bày  GV: Sửa theo đáp án bên  GV: Yêu cầu HS đọc đề bài 9  H: Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = x2 ?  Để vẽ đồ thị hàm số y = -x+6 ta làm như thế nào?  H: Vậy làm thế nào để xác định toạ độ giao điểm của hai đồ thị?  GV: Gọi 1 HS khá lên bảng thực hiện  HS: Cả lớp theo dõi, nhận xét  GV: Sửa bài theo đáp | **Bài tập 6/sgk.tr38 :**  Cho hàm số y = x2   * Vẽ đồ thị hàm số y = x2  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y = x2 | 4 | 1 | 0 | 1 | 4 |   b) f(-8) = (-8)2 = 64  f( - 1,3) = ( -1,3)2  f(- 0,75) = (-0,75)2 =  f(1,5) = (1,5)2 = 2,25  **Bài tập 7/sgk.tr38 :**  a) M(2; 1) ⇒ x = 2; y = 1. Thay x = 2; y = 1 vào hàm số y = ax2 ta có: 1 = a.22 ⇒ a =  b) Với a = ⇒ y =x2 vì A(4; 4) ⇒ x = 4; y = 4  Khi x = 4 thì: x2 = .42 = 4 = y  ⇒ A(4; 4) thuộc đồ thị hàm số y = x2  c) Lấy 2 điểm nữa không kể điểm O thuộc đồ thị là: M’(-2; 1); A’(-4; 4)  Điểm M’ đối xứng với M qua Oy  Điểm A’ đối xứng với A qua Oy  \* Đồ thị hàm số y = x2 đi qua các điểm A; A’; O; M; M’ như hình vẽ:  5  f(x)=4  5  Series 1  **x**  **y**  B'  B  A'  A  N  M  M'  6,25  4  2,25  0  -5  -4  -3  -2  2  4  5  \*x  d) x = -3 ⇒ y = x2 =  = 2,25  e) Thay y = 6,25 vào hàm số y = x2 ta có:  6,25 = x2 ⇒ x2 = 25 ⇒ x = 5  ⇒ B(5; 6,25) ; B’(-5; 6,25) là hai điểm cần tìm  **Bài tập 9/sgk.tr39:**  a)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -1 | 0 | 1 | 3 | | y = x2 | 3 |  | 0 |  | 3 |   Đồ thị hàm số y = - x + 6  là đường thẳng đi qua (0,6) và (6,0) . Đồ thị hàm số y= x2 là parabol nhận Oy làm trục đối xứng nhận O(0 ;0) làm cực tiểu.  f(x)=3  **x**  **y**  B  A'  A  6  3  0  -5  -4  -3  -2  2  4  5  -1  1  3  -6  6  b) Tọa độ giao điểm  của hai đồ thị là:  A(3; 3); B(-6; 12) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

H: Yêu cầu HS nhắc lại các bước để vẽ đồ thị hàm số dạng y = ax2 (a ≠ 0)?

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Xem lại các dạng đồ thị đã vẽ

+ BTVN: 8, 10, 12/sgk.tr38 – 39

+ Xem trước bài: Phương trình bậc hai một ẩn

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§3. PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN**

**A. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức : HS nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b = 0 hoặc c = 0 hoặc cả b và c bằng 0. Luôn chú ý nhớ a 0.

2. Kĩ năng: HS biết phương pháp giải riêng các phương trình hai dạng đặc biệt, giải thành thạo các phương trình thuộc hai dạng đặc biệt đó. HS biết biến đổi phương trình dạng tổng quát : ax2 + bx + c = 0 ( a  0 ) về dạng  trong các trường hợp cụ thể của a, b, c để giải phương trình.

3.Thái độ: Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận logíc, óc tính toán.

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, dạng tổng quát, dạng khuyết hệ số.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: NL biến đổi pt dạng tổng quát: ax2 + bx + c = 0 (a0) về dạng  NL giải phương trình bậc hai trong một số trường hợp cụ thể.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **phương trình BẬc hai mỘt Ẩn** | *Định nghĩa:* pt bậc hai một ẩn .Xác định các hệ số a, b, c pt bậc hai một ẩn. | xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải pt bậc hai một ẩn VD1. | ***Bài tập*** *Giải các phương trình* bậc hai  *Ví dụ 2* ***: SGK*** | ***Bài tập*** *Giải các phương trình* bậc hai. **?5 +? 6.** |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (Không kiểm tra)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv đưa bài toán mở đầu để cùng hs tìm hiểu  GV**:** Gọi x(m) là bề rộng mặt đường, 0 < x < 24  H: Chiều dài, Chiều rộng, diện tích phần đất còn lại là bao nhiêu?  GV: theo đề bài ta có PT nào ?  H: Hãy biến đổi để đơn giản PT trên ?  GV**:** Giới thiệu đây là PT bậc hai một ấn số  Vậy pt bậc hai có dạng là gì? Giải pt này như thế nào? | Đáp án:  Phương trình x2 - 28x + 52 = 0 được gọi là phương trình bậc hai một ẩn.  Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Hs bước đầu thấy được khó khăn khi giải pt bậc hai.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: dự đoán của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Định nghĩa – Cá nhân – cặp đôi**  Mục tiêu: Hs lấy được một số ví dụ về pt bậc hai. Xác định được các hệ số a, b, c.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Đ.n phương trình bậc hai, các dạng thường gặp.  NLHT: NL xác định một pt bậc hai và các hệ số tương ứng. | |
| Bước 1:  GV**:** Gọi HS đọc Định nghĩa sgk  H: Các em hãy lấy ví dụ về PT bậc hai một ẩn ? xác định các hệ số a, b, c  GV:Giới thiệu **?1** ở SGK: PT ở câu a) là PT bậc hai đủ, PT ở câu b) và c) là PTbậc hai khuyết | *2. Định nghĩa*  \*ĐN: Phương trình bậc hai một ẩn số là phương trình có dạng : ax2 + bx + c = 0 ( a 0)  \**Ví dụ* :  **?1** a) Phải, a = 1; b = 0; c = -4  b) Không phải, vì không có dạng ax2 + bx + c = 0  c) Phải, a = 2; b = 5; c = 0  d) Không phải vì a = 0  e) Phải, a = -3; b = 0; c = 0 |
| **Hoạt động 2: Cách giải một số phương trình bậc hai – cá nhân + Nhóm**  Mục tiêu: Hs giải được một số phương trình bậc hai dạng khuyết b, khuyết c, dạng đầy đủ.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Cách giải một số dạng pt bậc hai  NLHT: NL giải pt bậc hai. | |
| GV**:** Yêu cầu HS nghiên cứu ví dụ 1 trong 2’, sau đó yêu cầu HS nêu cách giải  GV**:** Gọi một HS làm ?2cả lớpcùng làm  GV:Cho cả lớp tiếp tục nghiên cứu VD 2  Sau1’ gọi HS nêu cách giải  GV**:** Gọi một HS lên bảng làm **?3** HS dưới lớp theo dõi và nhận xét  GV: Cho thêm dạng PT vô nghiệm  x2 + 3 = 0  (\*). Không có giá trị nào thoả mãn PT (\*). Vậy PT vô nghiệm  GV: Hướng dẫn HS làm ?4  GV**:** Gọi HS nêu cách làm bài ?5  GV**:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài ?6  và?7  Giải và được kết qủa như bài ?4  .Giải như ?6và được kết quả như ?4  GV: Cho HS nghiên cứu ví dụ 3, sau 2’ gọi HS trình bày cách làm  GV: Lưu ý cho HS : nếu PT là PT bậc hai đủ. Khi giải ta biến đổi để vế trái là bình phương của một biểu thức chứa ẩn, vế phải là một là 1 hằng số  Bước 2: Gv chốt lại các cách giải pt bậc hai. | *3. Một số ví dụ về giải phương trình bậc hai :*  \*Phương trình bậc hai khuyết c: ax2 + bx =0  *Ví dụ 1* ***:*  ?2** Giải PT: 2x2 + 5x = 0  hoặc 2x + 5 = 0  hoặc  vậy PT có hai nghiệm x1 = 0 và x2 =  \* Phương trình bậc hai khuyết b: ax2 +c = 0  *Ví dụ 2 :*  **?3**  Giải PT 3x2 – 2 = 0    Vậy PT có hai nghiệm  và  **?4**  Giải PT bằng cách điền vào chỗ trống ( … )    . Vậy PTcó hai nghiệm :    **\*** Phương trình bậc hai đủ: ax2 + bx + c = 0  **?5** Giải PT x2 - 4x + 4 =  Theo kết quả bài?4  **?6** Giải PT : x2 -4x = - . Thêm 4 vào hai vế, ta có : x2 – 4x + 4 = -  **?7** Giải PT : 2x2 – 8x = -1. Chia cả hai vế cho 2 ta có : x2 - 4x = -  *\* Ví dụ 3 : ( sgk )* |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Cho hS nhận xét về số nghiệm của PT bậc hai, làm bài tập12. (M3)

*HD bài 12 c tr42 SGK*

 (\*) Không có giá trị nào của x thoả mãn Pt (\*) .Vậy PT vô nghiệm .

b /Về học bài và làm bài tập 11, 13, 14 tr 43,42 SGK và bài 15,16/SBT để tiết sau luyện tập.

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Học bài theo vở ghi và SGK

+ BTVN: 11, 12, 13, 14 /sgk.tr 42+43

+ Tiết sau luyện tập

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**A. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức : -Vận dụng định nghĩa và các ví dụ về giải phương trình bậc hai một ẩn số để giải một số bài tập liên quan qua đó củng cố, khắc sâu kiến thức đã học.

2.Kĩ năng: -Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn, kỹ năng xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số. Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về hàm số dạng y = ax2 , kỹ năng xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn

**B. phương PhÁP, KĨ tHUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Luyện giải phương trình bậc hai một ẩn | xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . | xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn  Bài 15/40 SBT: | ***. Bài tập*** *Giải các phương trình*:  Bài 16/40 SBT: | ***Bài tập*** *Giải các phương trình*:  Bài 13/ 43 SGK: |

**E. TIẾN Trình TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (Không kiểm tra)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Hãy nhắc lại định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn.  H: Nêu cách giải một số dạng phương trình bậc hai đã học | Hs trả lời như sgk |
| Mục tiêu: Giúp Hs củng cố lại các kiến thức đã học để vận dụng tốt vào bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs làm được các bài toán về giải phương trình bậc hai  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Giải phương trình bậc hai một số trường hợp đơn giản  NLHT: NL tính toán, hợp tác, | |
| Bước 1: Gv tổ chức cho hs làm các bài tập trong sgk và sbt  -HS làm bài tập 11/42 SGK  -Gọi 4 HS cùng lên bảng thực hiện, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. GV uốn nắn, sửa chữa. Cả lớp ghi vào vở  **Chú ý HS:**  -Chuyển vế phải đổi dấu  -Các hệ số a, b, c có thể là một số và có thể là một biểu thức số hoặc một thức có chữ là hằng số  -2HS *tiếp tục lần lượt* lên bảng làm bài tập 15/40 SBT  GV gợi ý :  -Đặt thừa số chung để đưa về phương trình tích rồi lập luận với từng biểu thức thừa số  -2 HS lên bảng làm bài tập 16/40SBT  Gợi ý HS:  +Chuyển vế rồi lấy căn hai vế  -2 HS lên bảng làm bài tập 17/40SBT  -HS *làm phiếu học tập* làm bài 13/43 SGK  -1 HS lên bảng thực hiện  -GV kiểm tra một vài phiếu kết hợp sửa bài tập trên bảng  -HS tiếp tục *làm phiếu học tập* làm bài 14/43 SGK  GV gợi ý HS:  -Biến đổi 2x2 + 5x = - 2 x2 + x = - 1  -Xét hai trường hợp:  + x + =  + x + = -  Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy. | Bài 11/42:  a) 5x2 + 2x = 4 – x b) x2 + 2x – 7 = 3x +  5x2 + 3x - 4 = 0 x2 - x –= 0  a = 5 ; b = 2; c = -4 a =  ; b = -1; c = -  c) 2x2 + x - = x + 1 2x2 + x -x - - 1= 0  2x2 + (1 -)x - - 1= 0  a = 2 ; b = (1 -); c = - - 1  d) 2x2 + m2 = 2(m – 1)x m là một hằng số  2x2 - 2(m -1)x +m2= 0 a=2; b =- 2(m -1); c=m2  Bài 15/40 SBT: *Giải các phương trình*:  a) 7x2 – 5x = 0 x(7x – 5) = 0 x = 0 hoặc x =  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1= 0 *hoặc* x2 =  d) - x2 - = 0 x(-x-) = 0x = 0 hoặc x = -  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1= 0 *hoặc* x2 = -  Bài 16/40 SBT: *Giải các phương trình*:  a) 5x2 – 20 = 0 x2 = 4 x = ±2  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1 = -2 ; x2 = 2  b) -3x2 + 15 = 0 -x2 + 5 = 0 x2 = 5 x = ±  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1 = - ; x2 =  Bài 17/40SBT: *Giải các phương trình*:  a) (x – 3)2 = 4 x - 3 = ±2  \* x – 3 = 2 x1 = 5 \* x – 3 = -2 x2 = 1  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1 = 5 ; x2 = 1  c) (2x - )2 – 8 = 0 (2x - )2 = 8 2x -  = ±  \*2x -  = 2 2x = 3 x =  \*2x -  = -2 2x = - x = -  *Vậy*: phương trình có hai nghiệm : x1 = ; x2 = -  Bài 13/ 43 SGK:  a)x2 + 8x = -2 x2 + 2.4x + 4 = -2 + 4  x2 + 2.4x + 4 = 2 (x + 2)2 = 2  b)x2 + 2x + 1 = + 1 x2 + 2x + 1 = (x + 1)2 =  Bài 14/43 SGK:  a) 2x2 + 5x + 2 = 0 2x2 + 5x = - 2 x2 + x = - 1  x2 +2.x.  += - 1+(x + )2 =  x + =  x = -  x + = - x = -2  *Vậy*: *Phương trình có hai nghiệm* x1 =; x2 = -2 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố :*GV chốt lại vấn đề qua tiết luyện tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

**-**Xem lại các bài tập đã giải.

-Làm tiếp các bài tập còn lại của bài 16, 17, trang 30 SBT, làm thêm bài 18, 19 trang 40 SBT

-Soạn bài:”*Công thức nghiệm của phương trình bậc hai* “  
+Đọc mục công thức nghiệm .

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§4§5. CÔNG THỨC NGHIỆM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *-Kiến thức*: Học sinh nhớ được biệt thức = b2- 4ac và nhớ kĩ với điều kiện nào của  thì phương trình vô nghiệm có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt .

2.Kĩ năng: -Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn, kỹ năng xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn .Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **công thức nghiệm của phương trình bậc hai** | xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . Thiết lập công thức nghiệm. | Nắm công thức nghiệm. | áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. | áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Một HS lên bảng: Nêu đ/n phương trình bậc hai (5đ).

Giải phương trình : 3x2 - x - 5 = 0 theo các bước như ví dụ 3 trang 42 sgk (5đ)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Ta biết cách giải một số phương trình bậc hai đơn giản. Nhưng có cách nào để giải tất cả các phương trình bậc hai hay không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Kích thích tính ham học hỏi của học sinh  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: dự đoán của hs. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦa GV VÀ HS** | **NỘi DUNG** |
| **Hoạt động 1:**  mục tiêu: Hs phát biểu được công thức nghiệm của phương trình bậc hai  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: công thức nghiệm của phương trình bậc hai  NLHT: NL tư duy, hợp tác, tổng hợp kiến thức | |
| Bước 1:  GV: đưa phương trình tổng quát và yêu cầu HS biến đổi vế trái của phương trình này về dạng bình phương trình như bài trên  GV: Giới thiệu = b2- 4ac và cách đọc  GV đưa bảng phụ ghi đề **?1**  GV : vì a0 nên 4a2 >0 Vậy nghiệm của phương trình (2) phụ thuộc vào  Bước 2: GV:Yêu cầu HS nêu bảng kết luận chung  H. Vậy để giải phương trình bậc hai bằng công thức công thức nghiệm ta phải thực hiện qua các bước nào?  GV khẳng định: Có thể giải mọi phương trình bậc hai bằng công thức nghiện nhưng với phương trình bậc hai khuyết ta nên giải theo cách đưa về phương trình tích hoặc biến đổi vế trái thành bình phương một biểu thức | 1/Công thức nghiêm :  a)Biến đổi phương trình: ax2 + bx + c = 0 (a0 )(1)  Ta được  (2). Kí hiệu : =b2 – 4ac  **?1** Nếu  > 0 thì từ phương trình (2) suy ra  Do đó phương trình (1) có hai nghiệm  x1 = ; x2 =  b) Nếu thì từ phương trình (2) suy ra = 0  do đó phương trình (1) có nghiệm kép x1= x2  =  **?2** phương trình vn  b)Kết luận chung: ( sgk) |
| **Hoạt động 2: Áp dụng**  Mục tiêu: Hs vận dụng được công thức nghiệm của Pt bậc hai vào giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả tính toán của học sinh.  NLHT: NL giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm | |
| Bước 1: GV Hướng dẫn hs đọc và phân tích ví dụ Yêu cầu HS làm ?3 trên phiếu học tập , GV thu bài của một số em để chấm. Sau đó gọi 3 HS lên bảng giải lại, cả lớp nhận xét  ø *Vận dụng công thức vào giải phương trình bậc hai.*  GV: Gọi HS đọc chú ý | \*Ví dụ: Giải phương trình sau:  a) x2 + x + 4 = 0 .  = 1 – 16 = -15 < 0. PT vô nghiệm  b) 4x 2 – 4x +1 = 0.  = (-4)2 – 4.4.1 = 16 – 16 = 0  PT có nghiệm kép: x1 = x2 = =  c) 6x2 + x – 5 = 0.  = 1 – 4.6 .(-5) = 1 + 120 = 121> 0  PT có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  Vậy: PT có hai nghiệm x1 = , x2 = -1  **?3** Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình sau:  a) 5x2 – x + 2 = 0  b) 4x2 – 4x + 1 = 0  c) -3x2 + x + 5 = 0  \*Chú ý: *Nếu phương trình ax2 + bx +c = 0*  *( a  0) có a và c trái dấu tức ac < 0 thì*  *= b2 – 4ac > 0. Khi đó PT có hai nghiệm phân biệt* |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

- GV: Lưu ý cho HS: Nếu PT bậc hai khuyết thì không nên giải theo công thức nghiệm.

-Học thuộc kết luận chung trang 44 sgk (M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Đọc phần “có thể em chưa biết?”

-Về nhà làm bài 16 sgk, bài 20; 21 sbt/41. Chuẩn bị tiết sau luyện tập.

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *-Kiến thức*: -HS nhớ các điều kiện của  để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt. Học sinh nhớ được biệt thức = b2- 4ac và nhớ kĩ với điều kiện nào của  thì phương trình vô nghiệm có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt .

2.Kĩ năng: Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn, kỹ năng xác định các hệ số a, b, c và kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn . HS vận dụng công thức nghiệm tổng quát vào giải phương trình bậc hai một cách thành thạo.HS biết linh hoạt với các trường hợp phương trình bậc hai đặc biệt không cần dùng đến công thức tổng quát.

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn .Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẩn BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC Độ NHẬN tHỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **luyện tập CÔNG THỨC NGHIỆM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI.** | xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . Nắm công thức nghiệm. | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.  *Bài 16/45(sgk****)*** | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.  Bài 21SBT/41 | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. Bài 22/sbt: |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

HS1: Viết công thức nghiệm của PT bậc hai (5đ). Sửa bài tập 15c,d/ SGK/45(5đ)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Để nắm vững công thức nghiệm của pt bậc hai thì ta phải làm gì? | TL: Giải nhiều bài tập |
| Mục tiêu: Kích thích hứng thú giải bài tập của học sinh  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào giải một số bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Gải các phương trình bậc hai  NLHT: NL giải phương trình bậc hai | |
| 2HS Sửa bài tập 16(b,c) SGK/45  HS lớp nhận xét bài làm của hai HS trên bảng  GV:nhận xét đánh gia,ù sửa sai bài giải(nếu có sai sót)  H:Vậy hãy nhắc lại các bươcù giải phương trình theo công thức nghiệm  Lưu ý những điểm mà HS hay sai  2 HS Lên bảng làm bài tập 16 (d,e)  HS cả lớp cùng làm vào vở  HS: Nhận xét  GV: kiểm tra lại và chỉnh sửa( nếu cần)  H: Nêu câc hệ số a, b, c của phương trình?  GV: Yêu cầu HS cả lớp cùng làm bài ra nháp và nêu kết quả?  HS: Nhận xét và ghi vào vở  GV yêu cầu HS đọc bài tập 21 SBT. Sau đó gọi một HS lên bảng thực hiện  Các HS khác nhận xét sửa chữa  GV: hướng dẫn và thực hiện BT 22/SBT  GV: Qua bài tập này cho chúng ta biết thêm một cách giải PT bằng minh họa đồ thị | *Bài 16/45(sgk****)***  b) 6x2 + x + 5= 0  = b2 – 4ac = 12 - 4.6.5 = - 119 < 0  Do đó phương trình vô nghiệm  **c)** 6x2 + x - 5= 0  = b2 – 4ac = 12 - 4.6.(-5) = 121 > 0  Do đó phương trình có 2 nghiệm phân biệt      d) 3x2 + 5x + 2= 0  = b2 – 4ac = 52 - 4.3.2 = 1 > 0  Do đó phương trình có 2 nghiệm phân biệt  ;  e) y2 – 8y + 16= 0  = b2 – 4ac = (-8)2 - 4.1.16 = 0  Do đó phương trình có nghiệm kép  16f) 16z2 + 24z + 9 = 0  = b2 – 4ac = 242 - 4.16.9= 0  Do đó phương trình có nghiệm kép  Bài 21 SBT/41  b) 2x2 – (1 - 2)x -  = 0  = (– (1 - 2))2 - 4.2.  = 1 - 4 + 8 + 8  = 1 + 4 + 8 = (1+)2  Do đó phương trình có 2 nghiệm phân biệt  ;  Baøi 22/sbt:  a)Veõ hai ñoà thò haøm soá y = 2x2 vaø y = -x+3      b) Hai hoaønh ñoä: -1,5 vaø 1 laø nghieäm cuûa phöông trình vì:  2.(-1,5)2 – 1,5 – 3 = 4,5 =1,5 – 1 = 0  Vaø 2.12 +1 – 3 = 2 + 1 – 3 = 0  c) Giaûi PT 2x2 + x – 3 = 0 ta ñöôïc 2 nghieäm:  x1 = - 1,5, x2 = 1 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố qua từng bài tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

-BTVN: 23; 24; 25/41/ SBT, xem lại các bài tập đã giải.

-Về nhà xem trước bài học 5,viết bảng phụ kết luận và ?2, chuẩn bị để tiết sau học.

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§4§5. CÔNG THỨC NGHIÊM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI (tiếp theo)**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *-Kiến thức*: *:* Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn. Xác định được b’ khi cần thiết và nhớ kỹ công thức tính **’

2.Kĩ năng: Nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn, hơn nữa biết sử dụng triệt để công thức này trong mọi trường hợp có thể để làm cho việc tính toán đơn giản hơn

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Rèn kỹ năng đưa một phương trình về dạng phương trình bậc hai một ẩn .Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.

**X`B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **CÔNG THỨC NGHIỆM THU GỌN** | xác định các hệ số a, b/, c phương trình bậc hai một ẩn . Thiết lập công thức nghiệm thu gọn. | Nắm công thức nghiệm thu gọn. | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (Không kiểm tra)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **GV** gọi HS đứng tại chỗ nêu nội dung công thức nghiệm của phương trình bậc hai. Hỏi: Với hệ số b là số chẵn, ta có thể giải được phương trình (1) dễ dàng hơn không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu Hs nhận dạng được đk để áp dụng được công thức nghiệm thu gọn khi b là số chẵn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1:** *Tìm hiểu về công thức nghiệm thu gọn*  Mục tiêu: Hs nêu được công thức nghiệm thu gọn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Công thức nghiệm thu gọn  NLHT: NL tự học, tự nghiên cứu, NL ngôn ngữ | |
| -GV vừa trình bày mục 1 như SGK, vừa diễn giảng  -GV ghi kết luận chung của tiết trước.  Các nhóm thảo luận thực hiện **?1**  -Đại diện từng nhóm 1hs lên bảng trình bày  dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung.  GV chốt lại, giới thiệu. Vài HS lần lượt đọc công thức nghiệm thu gọn trong SGK | **2.Công thức nghiệm thu gọn:**(*sgk*)  Kí hiệu:  **?1.** (*sgk*) |
| **Hoạt động 2:**  Mục tiêu: Hs áp dụng được công thức nghiệm thu gọn vào một số bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm thu gọn  NLHT: NL giải phương trình | |
| HS suy nghĩ cá nhân đứng tại chỗ trả lời **?2**. Lớp nhận xét  -GV uốn nắn, sửa sai, rồi ghi trên bảng  -GV gọi 2 HS lên bảng trình bày, lớp theo dõi  -GV gọi HS nhận xét, bổ sung kết hợp sửa sai bài làm trên bảng và chốt lại  Lưu ý HS ở chỗ b = -6 | **?2** *Chỗ trống cần điền là*:  5; 2; -1  9; 3  ; -1  **?3**  a) 3x2 + 8x + 4 = 0 a = 3; b’ = 4; c = 4  ’= (4)2 – 3.4 = 16 - 12 = 4 > 0 , = 2  Nghiệm của phương trình là:  ;  b) 7x2 – 6x + 2 = 0 a = 7; b’ = -3; c = 2  ’= (-3)2 – 14 = 4 > 0 , = 2  Nghiệm của phương trình là:  ; |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

17b), d)/49 SGK

b) 13852x2 -14x + 1 = 0 , a = 13852; b’ = -7; c = 1

’= (-7)2 -13852.1 = 49 – 13852 = -13803 < 0. *Vậy* : phương trình *vô nghiệm*

d)-3x2 +4x + 4 = 0 a = -3, b’ = 2, c = 4; ’= (2 )2 –(-3).4 =24 +12 = 36, = 6

Nghiệm của phương trình là: , 

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Học bài theo vở ghi và SGK

-HS làm bài tập 17a, c; bài 18, 19 trang 49 SGK

-Chuẩn bị bài tập phần luyện tập để tiết sau luyện tập

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§4§5. CÔNG THỨC NGHIÊM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI (tiếp theo)**

**LUYỆN TẬP + KIỂM TRA 15P**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *-Kiến thức*: *:* Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn. Xác định được b’ khi cần thiết và nhớ kỹ công thức tính **’

2.Kĩ năng: Nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn, hơn nữa biết sử dụng triệt để công thức này trong mọi trường hợp có thể để làm cho việc tính toán đơn giản hơn

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt*-Kỹ năng:* Rèn kỹ năng lập ,’ và biết được khi nào sử dụng ’ cho phù hợp, xác định số nghiệm của phương trình, củng cố, khắc sâu kiến thức về công thức nghiệm.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **CÔNG THỨC NGHIỆM THU GỌN** | xác định các hệ số a, b/, c phương trình bậc hai một ẩn. Thiết lập công thức nghiệm thu gọn. | Nắm công thức nghiệm thu gọn. | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. | Áp dụng công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai một ẩn. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra 15’**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đề bài | Đáp án | Thang điểm |
| Giải phương trình sau   1. 2x2 + 7x - 9 = 0 (3đ) 2. 4x2 – 4x + 1 = 0 (3đ) 3. (2đ) 4. (2đ) | a) x1 = 1 ; x2 =  b) x1= x2 =  c) x1 = 1;  x2 =  d) x1 = 1; x2 = | a) Giải đúng mỗi nghiệm 1,5 điểm  b) tính đúng  1,5đ, đúng nghiệm 1,5đ  c) Tính đúng mỗi nghiệm 1đ  d) Tính đúng mỗi nghiệm 1đ |

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Để vận dụng tốt các công thức nghiệm của phương trình bậc hai, ta phải làm gì? | TL: Giải nhiều bài tập |
| Mục tiêu: Kích thích hứng thú giải bài tập của học sinh  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng tốt các kiến thức đã học để giải các pt bậc hai  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Bài giải của học sinh.  NLHT: NL giải pt bậc hai | |
| *Chữa bài tập 10*  -2HS lên bảng cùng lúc làm bài tập 18/a, d trang 49 SGK  -Cả lớp theo dõi, tham gia nhận xét  -GV dẫn dắt HS sửa bài  Từ kết quả câu d) GV nhấn mạnh: trong thực hành không phải lúc nào sử dụng công thức nghiệm thu gọn cũng thuận tiện, mà chỉ có lợi khi b là một số chẵn hoặc là bội chẵn của một căn, của một biểu thức  -2 HS lần lượt lên bảng làm bài tập 20b, c trang 49 SGK. Gợi ý :  b)**?**Phương trình có dạng đặc biệt nào đã học? **?**Xác định giá trị của vế trái? So sánh với vế phải? Nêu nhận xét?  c)**?** Phương trình có dạng gì? Cách giải như thế nào?  -GV hướng dẫn, gợi ý, 1HS khá, giỏi lên bảng làm bài tập 21b/49 SGK, cả lớp cùng thực hiện giấy nháp, theo dõi, nhận xét  GV dẫn dắt HS sửa bài và nêu nhận xét về hai nghiệm với mẫu và hạng tử tự do của phương trình đã cho  **?** Như vậy có thể thiết lập được bao nhiêu phương trình An Khô va ri zmi  -HS suy nghĩ cá nhân trình bày bài tập 22/49 SGK  **?** Để nhận biết số nghiệm của một phương trình bậc hai mà không giải ta căn cứ vào đâu?  -HS suy nghĩ cá nhân, GV gợi ý,  HS đứng tại chỗ trình bày bài tập 24/50 SGK  **?** Phương trình có hai nghiệm phân biệt khi nào? Có nghiệm kép khi nào và vô nghiệm khi nào? | I/ Chữa bài tập về nhà: Bài 18/49:  a) 3x2 -2x = x2+ 3  2x2 -2x -3= 0  a = 2, b’ = -1; c = -3  = (-1)2 – 2.(-3) = 1 + 6 = 7 > 0,  Vậy: phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = 1,82; x2 = -0,82  d) 0,5x(x+1) = (x – 1)2- 0,5x2 +2,5x -1= 0  x2 -5x +2 = 0  a = 1; b’ = - 2,5 ; c = 2  ’ = (-2,5 )2 – 2.1 = 6,25 - 2 = 4,25> 0,  Vậy: phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  **II/ Bài tập:**  Bài 20/49 :  b) 2x2 + 3 = 0  Phương trình vô nghiệm vì vế trái : 2x2 + 3 , còn vế phải bằng 0  c) 4, 2x2 + 5,46x = 0 7x(0,6x + 0,78)  x = 0 hoặc 0,6 x + 0,78 = 0 x = 0 hoặc x = -1,3  Vậy: phương trình có nghiệm kép:  x1 = 0; x2 = -1,3  Bài 21b/49:  a) x2 += 19 x 2 +7x – 228 = 0  a = 1, b = 7, c = -228  = 49 – 4.1.(-228) = 49 + 912 = 312 > 0,  = 31  x1 = , x2 =  Bài 22/49:  a) Phương trình: 15x2 + 4x – 2005 = 0, có: a= 15, c = - 2005 trái dấu nhau: a.c =15. (-2005) < 0 nên có hai nghiệm phân biệt  b) Phương trình  có  a = , c= 1890 trái dấu nhau :  ac = .1890 < 0 nên có hai nghiệm phân biệt  -Bài 24/50: Phương trình x2 – 2(m – 1)x + m2 = 0  a) ’= (m – 1)2 – m2 = 1 - 2m  b)Phương trình có hai nghiệm phân biệt khi  1 – 2m > 0 hay khi m <  Phương trình có nghiệm kép khi m =  Phương trình vô nghiệm khi m > |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố sau mỗi bài tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

*-* Xem lại các bài tập đã giải

-Làm tiếp các bài tập 20a,d;21a, 27, 29/ 42, 31 đến 34 /43 SBT

-Soạn bài:”*Hệ thức Viét và ứng dụng*”

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§6. HỆ THỨC VI-ÉT VÀ ỨNG DỤNG**

**A. MỤC TIÊU**:

1.*-Kiến thức*: *:* Học sinh hiểu hệ thức Víet

2.Kĩ năng: Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét như:

Biết nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0

Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng

3.Thaí độ: -Phát triển óc vận dụng kiến thức, biến đổi, óc suy luận lô gích, óc tính toán

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét như:

Biết nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trường hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0.

Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **HỆ THỨC VI – ÉT VÀ ỨNG DỤNG** | xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . Thiết lập định lí Viét | Nắm định lý Vi-ét | Áp dụng định lí Viét để giải các phương trình bậc hai một ẩn. | Áp dụng định lí Viét để giải các phương trình bậc hai một ẩn. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

HS đứng tại chỗ : Nhắc lại công thức nghiệm của phương trình bậc hai

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Có cách nào khác để giải phương trình bậc hai một ẩn mà không dùng đến công thức nghiệm của phương trình bậc hai hay không? Đó là cách làm nào? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Kích thích cho hs tính tò mò, ham học hỏi và tìm hiểu kiến thức mới  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Hệ thức viét. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Hệ thức vi ét**  Mục tiêu: Hs xây dựng được hệ thức viet từ sự hướng dẫn của giáo viên và áp dụng để nhẩm nghiệm phương trình bậc hai trong một số trường hợp đơn giản.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Hệ thức viet  NLHT: NL vận dụng hệ thức viet nhẩm nghiệm. | |
| Bước 1.  GV: Nêu công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai:  ax2 + bx + c = 0 (a 0) khi > 0. Nếu = 0  GV: Yêu cầu HS làm **? 1**  HS: Thực hiện, nửa lớp tính x1 + x2 ; nửa lớp tính x1 . x2  GV: Nêu định lý, nêu vài nét về tiểu sử nhà toán học Pháp Vi–ét và nhấn mạnh: hệ thức Vi–ét thể hiện mối liên hệ giữa các nghiệm và các hệ số của phương trình.  GV: Treo bảng phụ bài 25/sgk.tr52  HS: Điền câu a, b tại lớp để củng cố.  GV: Nhờ định lý Vi–ét, nếu đã biết 1 nghiệm của phương trình, ta có thể suy ra nghiệm kia. Yêu cầu HS làm **? 2 , ? 3** theo nhóm trong thời gian 5 phút  HS: Nửa lớp làm **? 2,** nửa lớp làm **? 3** và đại diện nhóm trình bày.  Bước 2.  GV: Sửa bài và nêu các kết luận tổng quát  GV: Yêu cầu HS làm ? 4  GV: Cho HS làm bài tập 26a, trên phiếu học tập để củng cố  HS: a) x1 = 1; x2 = ;  GV đặt vấn đề vào mục 2: Nếu x1, x2 là hai nghiệm của phương trình ax2 + bx + c = 0 thì x1+x2 =  và x1. x2 = , ngược lại nếu hai số u và v thỏa mãn u+ v = S và uv = P thì chúng có thể là nghiệm của một phương trình nào đó không? | **1. Hệ thức Vi–ét.**  Kí hiệu:  **? 1**      \* **Định lý:** (sgk.tr51)  **?2** Phương trình: 2x2 – 5x + 3 = 0  a) a = 2; b = –5; c = 3  a + b + c = 2 – 5 + 3 = 0  b) Thay x1 = 1 vào phương trình ta có:  2.12 – 5.1 + 3 = 0  ⇒ x1 = 1 là một nghiệm của phương trình  c) Theo hệ thức Vi–ét: x1.x2 = , có x1= 1  ⇒ x2 =  =  \* **Tổng quát:** (sgk.tr51)  **? 3** Phương trình: 3x2 + 7x + 4 = 0  a) a = 3; b = 7; c = 4  a – b + c = 3 – 7 + 4 = 0  b) Thay x1 = –1 vào phương trình ta có:  3.(–12) + 7.(–1) + 4 = 0  ⇒ x1 = –1 là một nghiệm của phương trình  c) Theo hệ thức Vi–ét x1.x2 =, có x1 =–1  ⇒ x2 = – = –  \* **Tổng quát:** (sgk.tr51)  **? 4**  a) Phương trình – 5x2 + 3x + 2 = 0 có :  a = -5, b = 3, c = 2  a + b + c = -5 + 3 + 2 = -2 + 2 = 0  Vậy phương trình có hai nghiệm : x1 = 1 , x2 =  a) Phương trình 2004x2+ 2005x + 1 = 0 có:  a = 2004, b =2005, c = 1  a - b + c = 2004 - 2005+ 1 = -1 + 1 = 0  Vậy phương trình có hai nghiệm :  x1 = -1 , x2 = |
| **Hoạt động 2: Tìm hai số biết tổng và tích của chúng.**  Mục tiêu: Hs vận dụng được kiến thức đã học để giải bài toán tìm hai số biết tổng và tích của chúng.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL giải pt bậc hai. | |
| GV: Có thể tìm 2 số biết tổng và tích của chúng, hoặc nếu biết tổng và tích 2 số thì 2 số có thể là nghiệm của 1 phương trình nào không? Ta xét bài toán  GV: Yêu cầu HS chọn ẩn số và lập phương trình  GV: Phương trình này có nghệm khi nào?  ⇒ Kết luận ?  GV: Yêu cầu HS tự đọc ví dụ 1 và làm ?5  Tự nghiên cứu ví dụ 2 và làm bàì tập 27/sgk.tr53  HS: Thực hiện  GV: Hướng dẫn lại một lần nữa  HS: Làm bài tập 27/sgk.tr53 | **2. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng.**  **Bài toán:** *Tìm hai số biết tổng của chúng bằng S và tích của chúng bằng P.*  **Giải:**  Gọi số thứ nhất là x thì số thứ hai sẽ là: (S – x)  Tích hai số bằng P ta có phương trình:  x.(S – x) = P ⇔ x2 – Sx + P = 0  Phương trình có nghiệm nếu  = S2 – 4P 0  \* **Kết luận:** (sgk.tr52)  \* **Áp dụng:**  ***\** Ví dụ 1:**(sgk.tr52)  **?5** Hai số cần tìm là nghiệm của phương trình:  x2 – x + 5 = 0. = (–1)2 – 4.1.5 = –19 < 0  ⇒ phương trình vô nghiệm.  Vậy, không có hai số nào cố tổng bằng 1 và tích bằng 5  ***\** Ví dụ 2:**(sgk.tr52)  **Bài tập 27/sgk.tr53:**  a) x2 –7x + 12 = 0.  Vì 3 + 4 = 7 và 3.4 = 12 nên x1 = 3; x2 = 4  b) x2 + 7x + 12 = 0. Vì (–3) + (–4) = - 7 và (–3).(–4) = 12 nên x1 = –3; x2 = –4 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

- Phát biểu và viết công thức hệ thức Vi-ét? .Nêu cách tìm hai số khi biết tổng của chúng bằng S và tích của chúng bằng P(M1)

- Nắm công thức nghiệm (M1)

- Nắm công thức nghiệm thu gọn. (M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Giải bài tập 25,26 cd 28, 29 sgk trang 53,53.

- Chuẩn bị tiết sau luyện tập.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* Củng cố hệ thức Viét

*2. Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng vận dụng hệ thức Viét để.Tính tổng, tích các nghiệm của phương trình. Nhẩm nghiệm của phương trình.Tìm hai số khi biết tổng và tích. Lập phương trình biết hai nghiệm của nó. Phân tích đa thức thành nhân tử nhờ nghiệm của đa thức.

*3. Thái độ:* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét như:

Biết nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0.Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **HEÄ THÖÙC VI – EÙT VAØ ÖÙNG DUÏNG** | Xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . | Viết phương trình theo tổng và tích của hai số. Tính nhẩm nghiệm | Áp dụng định lí Viét để giải các phương trình bậc hai một ẩn theo tham số m. | Phân tích thành nhân tử tam thức ax2+bx + c |

**2. Biên soạn câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá:**

***a) Nhóm câu hỏi nhận biết:***

Xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn .

a) x2 + 8x – 105 = 0 b) x2 -2x + m = 0 c) 2x2 -5x +3 = 0

Đáp án: trong các hoạt động

***b) Nhóm câu hỏi thông hiểu:***

Câu 1: Viết các phương trình biết

a) u + v = - 8 , u.v = -105

b) u + v = 2 , uv = 9

**Câu 2:** Áp dụng định lí nào để nhẩm nghiệm:

Đáp án: trong các hoạt động

***c) Nhóm câu hỏi vận dụng thấp:***

Tìm m để phương trình có nghiệm kép , tính tổng và tích hai nghiệm x2 -2x + m = 0

Đáp án: trong các hoạt động

***d) Nhóm câu hỏi vận dụng cao:***

Phân tích đa thức thành nhân tử : 2x2 -5x +3 = 0 Đáp án: trong các hoạt động

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

HS1: Nêu hệ thức Viét (4đ) – Làm bài tập 27/sgk (6đ)

HS2: Nêu cách tính nhẩm nghiệm theo hệ số a,b,c (4đ). Sửa bài tập 26a,c/sgk (6đ)**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: để nắm vững và vận dụng thành thạo hệ thức viet thì ta làm gì? | Hs: Làm nhiều bài tập. |
| Mục tiêu: Kích thích hứng thú say mê giải bài tập của học sinh.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được kiến thức trên để giải một số bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL Tìm hai số biết tổng và tích của chúng. Tính nhẩm nghiệm . | |
| HS 3 sửa bài tập 28 b, c  H. Nhận xét bài giải của bạn trên bảng  GV lưu ý những chỗ cần cẩn thận trong làm bài dạng này  GV nhắc:bài 29 giải tương tự bài 25  H. phương trình có nghiệm khi nào? Tính ? Để từ đó tìm m để phương trình có nghiệm    H. Hãy lên bảng tính m để phương trình có nghiệm  H. Dựa vào hệ thức Viét hãy tính tổng và tích hai nghiệm  Bài b) HS tự giải  Sau đó một HS lên bảng trình bày  H. Nhận xét bài giải của bạn ?  GV lưu ý sửa sai bài giải(nếu có)  HS hoạt động nhóm để cùng giải bài 31 sgk  Nửa lớp giải câu a,c - Nửa lớp giải câu b, d  Các nhóm hoạt động trong 3’ sau đó dừng để kiểm tra kết quả  H. Vì sao cần có điều kiện m1 | 1. SỬA BÀI TẬP:  Bài 28/57sgk**:** Tìm hai số u và v  b) u + v = - 8 , u.v = -105  u, v là nghiệm của phương trình  x2 + 8x – 105 = 0  ’= 42 + 105 = 121 > 0  x1 =  ; x2 =  Vậy: u =7 ; v = -15 hoặc u = -15 ; v = 7  c) u + v = 2 , uv = 9  u, v là nghiệm của phương trình  x2 – 2x + 9 = 0 có  Phương trình này vô nghiệm nên không có cặp số nào thỏa mãn điều kiện trên  2. LUYỆN TẬP  Bài 30 / 54 sgk  Tìm m để phương trình có nghiệm kép, tính tổng và tích hai nghiệm   1. x2 -2x + m = 0 ta có = 1 – m   Phương trình có nghiệm khi    Theo hệ thức Viét ta có  x1 + x2 =  ; x1.x2 =   1. x2 +2( m – 1) x + m2 = 0     Phương trình có nghiệm    Theo hệ thức Viét ta có  x1+x2 =  Bài 31/54sgk Tính nhẩm nghiệm  a) x1 = 1 ; x2  =  b) x1= -1 x2 = -=  =  c) x1 =1; x2  d) Với m1 x1 = 1 ; x2 = |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

- Phát biểu và viết công thức hệ thức Vi-ét? .Nêu cách tìm hai số khi biết tổng của chúng bằng S và tích của chúng bằng P(M1)

Nắm công thức nghiệm (M1)

Nắm công thức nghiệm thu gọn. (M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

-GV nhắc lại cách giải các loại bài trong tiết .Chú ý những sai phạm HS thường mắc phải

- Làm bài tập 37, 39, 40, 42 sgk, xem lại toàn bị lý thuyêt đã học trong chương, tiết sau luyện tập tiết 2 xem như là tiết ôn tập chuẩn bị tiết sau nữa kiểm tra 1 tiết.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU**:

*1-Kiến thức:* Củng cố kiến thức của các bài đã học ở trong chương

*2-Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng vận dụng các công thức giải phương trình một cách phù hợp

*3-Thái độ:* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét như:

Biết nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0.Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **GIẢI PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN** | - Viết công thức nghiệm  - Xác định các hệ số a, b, c phương trình bậc hai một ẩn . | Viết phương trình theo , theo tổng và tích của hai số  Tính nhẩm nghiệm ở dạng tổng quát | Áp dụng công thức nghiệm và định lí Viét để giải các phương trình bậc hai một ẩn theo tham số m. | Giải phương trình theo cách minh họa nghiệm bằng đồ thị: pt bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra 15 phút :**

**Bài 1**: (8 đ) Cho phương trình (ẩn số x)  (1)

a/ Giải phương trình khi m = 2

b/ Với giá trị nào của m thì phương trình (1) có nghiệm.

**Bài 2**: (2 đ) Cho phương trình . Chứng tỏ rằng phương trình có 2 nghiệm phân biệt . Không giải phương trình, hãy tính  ; 

**Đáp án và thang điiểm**

**Bài 1**:  (1)

a/ Với m = 2 ta có phương trình:  1đ

 ;  2đ

 ;  2đ

b/  với mọi m. 2đ

Vậy phương trình (1) luôn có nghiệm với mọi giá trị của m. 1đ

**Bài 2**: (2 đ) Phương trình  có a và c trái dấu nên phương trình luôn có 2 nghiệm phân biệt. 0,5đ

Theo định lí Vi-ét, ta có:   0,5đ

 1 đ

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV: Cho HS nhớ lại kiến thức mà các em đã học từ đầu chương đến nay trong vòng 3’  HS: Có thể viết ra giấy nháp điều mà các em suy nghĩ  H: Các em hãy sử dụng những kiến thức đã học để giải phương trình sau: ax2 + bx + c = 0  HS: Định hướng các cách giải phương trình đã cho mà em biết | I. Lý thuyết:  Cho phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0)  1/ *Công thức nghiệm tổng quát:* Đặt  = b2 – 4ac  Nếu  < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu  = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu  > 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  2/ *Công thức nghiệm thu gọn:* Đặt ’= 2 – ac  Nếu ’ < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu ’ = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu ’> 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  3/ *Hệ thức Viét:*  Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0). Có hai nghiệm x1, x2 thì tổng và tích hai nghiệm đó là  4/*Nhẩm nghiệm theo hệ số a,b,c*:  a) Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a + b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = 1, x2 =  b)Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a - b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = -1, x2 = -  5/ *Minh họa nghiệm bằng đồ thị*:  Phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0)  ax2 = -bx – c  Đặt y = ax2 (P) và y = -bx – c (d)  Vẽ đồ thị hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ.  Nghiệm của phương trình ax2 + bx + c = 0 chính là hoành độ giao điểm của hai đồ thị hàm số (P) và (d) .  - Nếu (P) không cắt (d) thì phương trình vô nghiệm.  - Nếu (P) tiếp xúc với (d) thì phương trình có nghiệm kép.  - Nếu (P) cắt (d) thì phương trình có hai nghiệm phân biệt |
| Mục tiêu: Giúp học sinh hệ thống lại các kiến thức đã học thông qua việc trả lời câu hỏi.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các cách giải phương trình bậc hai. | |

**4. Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện yêu cầu của bài học  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các cách giải một phương trình bậc hai.  NLHT: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác. Năng lực giải phương trình bậc hai theo nhiều cách | |
| GV: Các em hãy vận dụng các lý thuyết trên để giải phương trình: x2 + 2x – 3 = 0  Bằng tất cả các cách có thể được.  GV: Viết phương trình lên bảng và cho HS suy nghĩ các cách giải mà các em có thể làm được.  GV: Hỏi lần lượt từng nhóm: nhóm của em giải pt trên theo cách nào? Nếu nhóm sau trả lời trùng cách của nhóm trước thì cho các em suy nghĩ lại và đưa ra cách khác  ( có thể)  Nếu HS các nhóm không đưa được 5 cách như ý đồ GV thì GV gợi ý để các em có thể giải được bằng cách khác.  GV: Để khắc định các cách giải mà các em đã đưa ra, cô yêu cầu đại diện của từng nhóm lên bảng viết công thức tổng quát của cách giải đó. Các em còn lại của nhóm giải phương trình theo cách mà nhóm đã chọn.  H:Em rút ra được điều gì qua tiết luyện tập này?  - Việc vận dụng lý thuyết vào bài tập rất quan trọng  - Một bài toán có thế có nhiều cách giải nhưng chỉ có một đáp số mà thôi, Nhưng các em cần lựa chọn cách giải nào mà em hiểu thì vận dụng để làm.  GV: Ngoài ra ta vận dụng việc tìm nghiệm của phương trình để phân tích một tam thức bậc hai thành nhân tử một cách dễ dàng, không phức tập như lớp 8. Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có nghiệm là x1 và x2 thì tam thức  ax2 + bx + c phân tích được thành nhân tử như sau:  ax2 + bx + c = a(x – x1)(x – x2) | Giải phương trình sau: x2 + 2x – 3 = 0  **Cách 1**: Dùng công thức nghiệm tổng quát  x2 + 2x – 3 = 0  = 4 + 4.1.3 = 16 > 0  Phương trình có hai nghiệm phân biệt:  X1 =  = 1 , x2 =  = - 3  Vậy PT có hai nghiệm x1 = 1 và x2 = -3  **Cách 2**: Dùng công thức nghiệm thu gọn  x2 + 2x – 3 = 0  ’ = 1 + 3 = 4 > 0  Phương trình có hai nghiệm phân biệt:  X1 =  = 1 , x2 =  = - 3  Vậy PT có hai nghiệm x1 = 1 và x2 = -3  **Cách 3**: Dùng hệ thức Viét  x2 + 2x – 3 = 0  Ta có:  = 4 + 4.1.3 = 16 > 0  Phương trình có hai nghiệm x1, x2    Vậy hai nghiệm của phương trình là:1 và – 3  **Cách 4**: Nhẩm nghiệm theo hệ số a,b,c:  x2 + 2x – 3 = 0  Ta có a + b + c = 1 + 2 + (-3) = 0  Phương trình có hai nghiệm: x1 = 1 và x2 = -3  **Cách 5:** Minh họa bằng đồ thị:  Ta có: x2 + 2x – 3 = 0  x2 = - 2x + 3  Đặt y = x2 (P) và y = - 2x + 3 (d)  Vẽ đồ thị hai hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ. Hoành độ giao điểm của (P) và (d) là nghiệm của pt đã cho.  Vậy nghiệm của phương trình là 1 và -3 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố trong quá trình luyện tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

-GV nhắc lại cách giải một phương trình bậc hai và cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2.

- Về nhà làm các bài tập còn lại, ôn kỹ các dạng bài tập đã giải, chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết

- Tiết kế tiếp học bài 7, viết bảng phụ ?2/55/sgk

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§7. PHƯƠNG TRÌNH QUY VỀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI**

**A. MỤC TIÊU**:

1. Kiến thức: HS thực hành tốt việc giải một số dạng phương trình quy về phương trình bậc hai như: *phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu thức, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ đặt ẩn phụ*

2. Kĩ năng: -Biết cách giải phương trình trùng phương. Nhớ rằng khi giải phương trình chứa ẩn thức ở mẫu, trước hết phải tìm điều kiện của ẩn và sau khi tìm được giá trị của ẩn thì phải kiểm tra chọn giá trị thỏa mãn điều kiện ấy. HS giải tốt phương trình tích và rèn luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử

3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét như:

Biết nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0.

Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **PHƯƠNG TRÌNH QUY VỀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI** | - Viết dạng tổng quát của phương trình trùng phương  **-** Xác định các hệ số a, b, c của phương trình trùng phương | - Nêu cách giải phương trình trùng phương ở dạng tổng quát  - Nêu cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu.  - Nêu cách giải phương trình tích. | Giải các phương trình trùng phương, phương trình tích., phương trình chứa ẩn ở mẫu | Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu theo công thức nghiệm. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (lồng ghép trong các hoạt động)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Ta đã biết cách giải pt bậc hai. Vậy với Pt 4x4 + x2 – 5 = 0 thì ta sẽ giải ntn? Có thể biến nó thành pt bậc hai để giải không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Kích thích hứng thú học tập, tiếp thu kiến thức mới của học sinh  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1:** *Tìm hiểu về phương trình trùng phương*  Mục tiêu: Hs nêu được dạng phương trình trùng phương và cách giải  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Nhận dạng pt trùng phương và Cách giải  NLHT: NL giải phương trình trùng phương | |
| -GV trình bày mục 1 như SGK  -HS *hoạt động nhóm*  thực hiện **?1** trên bảng nhóm  -Đại diện từng nhóm treo kết quả lên bảng, trả lời phát vấn của GV, dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung. GV uốn nắn, khẳng định nhóm đúng | **1.Phương trình trùng phương:**(*sgk*)  ax4 + bx2 + c = 0 (a 0)  **\***Nhận xét: (*sgk*)  Ví dụ 1: (*sgk)*  **?1.** Giải các phương trình trùng phương:  a) 4x4 + x2 – 5 = 0 Giải  -Đặt x2 = t ( t 0)  Ta có : 4t2 + t – 5 = 0  = 12 – 4.4.(-5) = 81 > 0 , = 9  , ta có: x2 = 1 x1= 1, x2 = -1  , ta có: x2 =(*loại*)  b) 3x4 + 4x2 + 1 = 0  -Đặt x2 = t (t  0) . Ta có: 3t2 + 4t + 1 = 0  ’= 22 – 3.1 = 1 > 0 , = 1  ,. Cả t1 và t2 đều âm (*không thỏa mãn điều kiện* t  0) nên phương trình *vô nghiệm* |
| **Hoạt động 2:** *Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức*  Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải pt chứa ẩn ở mẫu đã học ở lớp 8 vào một số bài toán cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các bước giải pt chứa ẩn ở mẫu  NLHT: NL giải pt chứa ẩn ở mẫu | |
| -HS *họat động cá nhân*  thực hiện **?2**  -HSđứng tại chỗ trình bày, lớp tham gia nhận xét, bổ sung, GV uốn nắn, sửa sai điền vào bảng phụ  -GV chốt lại vấn đề về phương trình chứa ẩn ở mẫu thức | **?2** Kết quả cần điền là:  **3; x + 3; 1; 3; 1** |
| **Hoạt động 3:** *Phương trình tích*  Mục tiêu: Hs giải được các phương trình đưa được về dạng phương trình tích  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Cách giải phương trình tích  NLHT: NL giải phương trình tích | |
| -HSø cả lớp làm **?3** vào phiếu học tập, 1 HS lên bảng thực hiện. GV thu vài phiếu dẫn dắt lớp kết hợp sửa sai cùng với bài làm trên bản | **3.Phương trình tích :**  Ví dụ 2:(*sgk*)  **?3** x3 + 3x2 + 2x = 0  (x + 1)(x2 + 2x) x(x + 1)(x+ 2)  x = 0, x = -1, x = -2 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

-GV chốt lại nội dung tiết học về phương trình quy về phương trình bậc hai

-HS lên bảng làm bài tập 34a, 35c, 36a/56 SGK, lớp tham gia nhận xét, bổ sung, GV uốn nắn, sửa sai, chốt lại

Bài 34a/56 :

a) x4 -5x2 + 4 = 0

Giải

-Đặt x2 = t ( t 0)

Ta có : t2 - 5 t + 4 = 0

 = (-5)2 – 4.1.4 = 9 > 0

= 3

, ta có: x2 = 4 x1= 2, x2 = -2

, ta có:x2 =1 x3= 1, x4 = -1

-Bài 35c/56:

. Điều kiện : x -1; x -2



= 52 – 4.1.6 = 1 > 0

= 1

x1= , x2 = 

Vì x1 = -2 (*không thỏa mãn* )

Vậy: *Phương trình có một nghiệm* x = -3

*b. Hướng dẫn về nhà*

-HS làm bài tập 34, 35 còn lại; 36 trang 56 SGK

\**Hướng dẫn* :

Bài 36/56: áp dụng cách giải phương trình tích như ví dụ 2 trong bài

- Chuẩn bị bài tập phần luyện tập để tiết sau luyện tập

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1-Kiến thức:* Củng cố, khắc sâu kiến thức về giải các dạng phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, phương trình tích

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng biến đổi các dạng phương trình về phương trình bậc hai

*3. Thái độ:* Phát triển óc tư duy, óc tính toán, suy luận lô gích và chặt chẽ

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Học sinh vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Viét để giải phương trình trùng phương.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0 để giải phương trình trùng phương.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | - Viết dạng tổng quát của phương trình trùng phương  **-** Xác định các hệ số a, b, c của phương trình trùng phương | - Nêu cách giải phương trình trùng phương ở dạng tổng quát  - Nêu cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu.  - Nêu cách giải phương trình tích. | Giải các phương trình trùng phương, phương trình tích., phương trình chứa ẩn ở mẫu các bài tập sau Bài 37/56Bài 36/56, Bài 38d/56, Bài 39/57. | Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu theo công thức nghiệm. Bài 35b/56,Bài 40a/57 |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra trong quá trình luyện tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Để giải thành thạo các dạng bài tập liên quan đến phương trình đưa được về phương trình bậc hai thì ta phải làm gì? | Hs: Giải nhiều bài tập. |
| Mục tiêu: Kích thích hứng thú, say mê giải bài tập cho hs.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào việc giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác. Năng lực giải phương trình trùng phương theo nhiều cách | |
| -1HS khá lên bảng làm bài tập 35b/56 SGK  -Cả lớp theo dõi, tham gia nhận xét  -GV dẫn dắt HS sửa bài    -1HS khác lên bảng làm bài tập 36a/56 SGK  -Cả lớp theo dõi, tham gia nhận xét  -GV dẫn dắt HS sửa bài  *Hoạt động 2: Luyện tập (30 p)*  - HS thực hiện cá nhân bài tập 37 trang 56 SGK vào giấy nháp.  Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV chốt lại  -1HS lên bảng làm bài tập 38d/56 SGK  -Cả lớp theo dõi, tham gia nhận xét  -GV dẫn dắt HS sửa bài  -HS làm bài tập 39/57 SGK  **?**Để giải phương trình tích ta giải như thế nào?  -HS hoạt động nhóm làm bài tập 40/57 SGK  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả các nhóm theo dõi, nhận xét, lẫn nhau. GV chốt lại | I/ Chữa bài tập về nhà:  Bài 35b/56:  (1) Điều kiện : x 5; x 2    =(- 15)2 – 4.(4).(-4) = 225 + 64 = 289 > 0, = 17  x1= , x2 = (không thỏa ĐK)  Vậy: Phương trình có một nghiệm x = 4  Bài 36/56:  a)(3x2 – 5x + 1)(x2 – 4 ) = 0    **II/ Luyện tập:**  Bài 37/56:  b) 5x4 +2x2 - 16 = 10 – x2 5x4 +3x2 - 6 = 0  Giải -Đặt x2 = t ( t 0)  Ta có phương trình: 5t2 + 3t -26 = 0  = (3)2 – 4.5.(-26) = 9 +520 = 529 > 0 . = 23  , ta có: x2 = 4 x1= , x2 = -  (không thỏa mãn điều kiện)  Vậy: Phương trình có hai nghiệm : x1= , x2 = -  Bài 38d/56:  d)  2x(x – 7 ) – 6 = 3x -2x +8 2x2 – 15x – 14 = 0  = (-15)2 – 4.2.(-14) = 337 > 0 . =  x1 = ; x2 =  Bài 39/57:  b) x3 + 3x -2x – 6 = 0 x2(x + 3)- 2(x + 3) = 0 (x2 – 2)(x + 3) = 0      Bài 40a/57 :  a) 3(x2 + x)2 -2(x2 + x) -1 = 0  Đặt t = x2 + x, ta có phương trình 3t2 – 2t - 1 = 0  ’ = (-1)2 – 3.(-1) = 4 > 0  = 2  t1 =  = 1; t2 = =(không thỏa mãn điều kiện)  t = 1, ta có: x2 = 1 x1= 1, x2 = -1  Vậy: *Phương trình có hai nghiệm* : x1= 1, x2 = -1 |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải phương trình trùng phương ở dạng tổng quát (M1)

Câu 2: Nêu cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu. (M2)

Câu 3: Nêu cách giải phương trình tích. (M2)

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Xem lại các bài tập đã giải

- Làm tiếp các bài tập còn lại SGK

- Soạn bài:”Giải bài toán bằng cách lập phương trình ”

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**§8. GIẢI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH**

**A. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức:* Hiểu được cách giải bài toán bằng cách lập phương trình

Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn

-Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình

*2. Kỹ năng:* **+** Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn

*+* Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình

**+** Biết cách trình bày bài giải của một bài toán bậc hai

*3.Thái độ:* Cẩn thận, chú ý

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* giải bài toán bằng cách lập phương trình

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Giải bài toán bằng cách lập phương trình.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH** | - Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn  -Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình | -Hiểu được mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình  - Chọn nghiệm thỏa mãn điều kiện để rút ra kết luận | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình **?1.** (*sgk*)  Bài 41/58 | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình  Bài tập 43/58 |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra vở bài tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi:Hãy nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình ở lớp 8?  Gv giới thiệu: ta sẽ áp dụng các bước đó vào nội dung bài học hôm nay | Hs nêu lại các bước giải toán bằng cách lập pt |
| Mục tiêu: Hs được củng cố lại các kiến thức liên quan  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1:** *Ví dụ*  Mục tiêu: Hs vận dụng được các bước giải toán bằng cách lập phương trình vào ví dụ cụ thể.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: NL giải toán bằng cách lập pt. | |
| -HS nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình  -HS nghiên cứu ví dụ 1, đứng tại chỗ trình bày. GV dẫn dắt, gợi ý  - HS dưới lớp tham gia bổ sung  -GV giảng giải, chốt lại các bước giải  -HS *hoạt động nhóm*  thực hiện **?1**  Đại diện một nhóm trình bày  HS dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung. | **Ví dụ :**(*sgk*)  **\*** *Các bước giải một bài toán bằng cách lập phương trình*:  1) Chọn ẩn và đặt điều kiện cho ẩn  2) Biểu diễn các dữ kiện chưa biết qua ẩn  3) Lập phương trình  4) Giải phương trình  5) Kết luận  **?1.** (*sgk*)  Gọi chiều rộng của mảnh đất là x (*m*), x>0  Chiều dài mảnh đất là x + 4 (m)  Diện tích của mảnh đất là : x(x+4) (m2)  Theo đề bài ta có phương trình:  x(x + 4) = 320 x2 + 4x – 320 = 0  ’ = 22 – 1.(-320) = 324 > 0 , = 18  x1 =  = 16; x2 ==-20(loại)  Vậy: *chiều rộng của mảnh đất là 16m, chiều dài là 20m* |
| **Hoạt động 2:** *Vận dụng*  Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức trên vào bài tập cụ thể.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL giải toán bằng cách lập pt | |
| -GV hướng dẫn cả lớp làm giấy nháp bài tập 41/58 SGK  -1 HS lên bảng thực hiện  Gợi ý:  **?**Gọi số bạn Minh chọn là x thì số bạn Lan chọn sẽ làgì ?  **?**Theo đề bài ta sẽ có mối quan hệ giữa hai số bạn Minh chọn và số bạn Lan chọn là biểu thức nào ?  **?**Hãy giải phương trình trên từ đó suy ra hai số mà hai bạn cần chọn?  -HS làm bài tập 43/58 SGK  -Gọi 1 HS lên bảng trình bày  -GV dẫn dắt HS sửa bài trên bảng  -Lớp tham gia nhận xét, bổ sung  GV gợi ý:  **?** Từ vận tốc lúc đi vừa gọi suy ra vận tốc lúc về sẽ là ?  **?** Thời gian lúc đi là bao nhiêu nếu khi đi có nghỉ 1 giờ ?  **?** Quãng đường lúc về có giống lúc đi không ?Bằng bao nhiêu?  **?** Viết thời gian lúc về?  **?** Viết phương trình có được theo đề bài ? | **Vận dụng :**  Bài 41/58:  Giả sử gọi số của bạn Minh chọn là x (x > 0) và số của của bạn Lan chọn hơn số của bạn Minh chọn là 5 nên số của bạn Lan là x + 5 và theo đề bài tích của chúng là 150. Ta có phương trình :  x(x + 5) = 150 x2 + 5x – 150 = 0  = 52 – 4.1.(-150) = 625 > 0 . = 25  x1 = ; x2 = (*loại*)  Vậy: *Số bạn Minh chọn là số 10 và số bạn Lan chọn là số 15*  Bài tập 43/58:  Gọi vận tốc của xuồng lúc đi là x (*km/h*) x > 0  Vận tốc lúc về sẽ là x – 5 (*km/h*)  Thời gian lúc đi 120km của xuồng là : (*giờ*)  Vì khi đi có nghỉ 1 giờ nên thời gian lúc đi hết tất cả là (*giờ*)  Đường về dài 120 + 5 = 125 (*km*)  Thời gian lúc về của xuồng là : (*giờ*)  Theo đề bài ta có phương trình :  =    x2 – 10 x – 600 = 0  ’ = (-5)2 – 1.(-600) = 625 > 0 . = 25  x1 = ; x2 = (loại)  Vậy: *vận tốc của xuồng lúc đi là 30 km/h* |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải bài toán bằng cách lập phương trình (M1)

- GV chốt lại nội dung tiết học về giải bài toán bằng cách lập phương trình

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Học bài theo vở ghi và SGK

-HS làm bài tập 42, 44 trang 58 SGK

\**Hướng dẫn* :

Bài 42/58: Gọi lãi suất cho vay trong một năm là x (%), x > 0

Bài 44/58: một nữa đơn vị là  *hay* 0,5

-Đọc phần “*Có thể em chưa biết* “.

-Chuẩn bị bài tập phần luyện tập để tiết sau luyện tập

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức:* Vận dụng kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình để giải các bài tập liên quan

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng đồng thời củng cố, khắc sâu kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình, thành thạo kỹ năng giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm hoặc công thức nghiệm thu gọn

*3. Thái độ:* Phát triển óc tư duy, óc tính toán, lập luận lôgíc và chặt chẽ

4-*Xác định nội dung trọng tâm:*Luyện giải bài toán bằng cách lập phương trình

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Giải bài toán bằng cách lập phương trình.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH** | - Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn  -Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình | -Hiểu được mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình  - Chọn nghiệm thỏa mãn điều kiện để rút ra kết luận | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình  - Dạng tìm một số chưa biết khi biết tích và tổng.  bài 44/58  - Dạng tìm chiều dài của đoạn thẳng  Bài 46/59 dạng tìm chiều dài của đoạn thẳng | Giaûi caùc bài toán bằng cách lập phöông trình  Dạng tính vận tốc baøi 47/59 |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra vở bài tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Hãy nêu các bước giải toán bằng cách lập pt? Các dạng toán về giải toán bằng cách lập pt? | Hs trả lời |
| Mục tiêu: Hs củng cố lại các kiến thức liên quan. Các dạng bài tập đã học về giải toán bằng cách lập pt  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các bước giải toán bằng cách lập pt. Các dạng toán về giải toán bằng cách lập pt. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải toán bằng cách lập pt và các kiến thức liên quan để giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: Năng lực giải bài toán bằng cách lập phương trình | |
| -1HS lên bảng làm bài tập 44/58 SGK  -Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung  -GV chốt lại, nhận xét, cho điểm    *Hoạt động 2: Luyện tập (29 p)*  - HS thực hiện cá nhân bài tập 46 trang 56 SGK vào giấy nháp.  Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV chốt lại  Gợi ý :  **?**Chiều dài mảnh đất được biểu thị theo chiều rộng bằng biểu thức nào?  **?**Nếu tăng chiều rộng 3m và giảm chiều dài 4m thì chiều rộng, chiều dài và diện tích mảnh đất mới được biểu thị bằng những biểu thức nào?  **?**Viết phương trình từ đề bài đã cho?  -HS hoạt động nhóm làm bài tập 47/59 SGK  -Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày các nhóm khác theo dõi, nhận xét, lẫn nhau. GV chốt lại  Gợi ý:  **?**Vận tốc xe của bác Hiệp là x(km/h) thì vận tốc xe của cô Liên sẽ là gì?  **?**Thời gian bác Hiệp và cô Liên đi từ làng lên tỉnh lần lượt sẽ là những biểu thức nào?  **?**Theo đề bài ta sẽ có phương trình nào | I/ Chữa bài tập về nhà:  Bài 44/58:  Gọi số cần tìm là x  Một nữa của số cần tìm sẽ là :  Theo đề bài một nữa số cần tìm trừ đi một nữa đơn vị rồi nhân với với một nữa của nó bằng một nữa đơn vị, ta có phương trình:      ’ = (-1)2 – 4.1.(-2) = 9 > 0, = 3  x1 = ; x2 =  Vậy: *Số cần tìm là* 2 *hoặc* -1  **II/ Luyện tập:**  Bài 46/59:  Gọi chiều rộng của mảnh đất là x(*m*), x>0  Vì diện tích của mảnh đất bằng 240m2 nên chiều dài là    Nếu tăng chiều rộng 3 m và giảm chiều dài 4m thì mảnh đất mới có chiều rộng x+ 3(*m*), chiều dài là  và diện tích là :  (x +3)  Theo đề bài ta có phương trình:  (x +3)    = 32 + 720 = 729 > 0, = 27  x1 =12; x2 = -15 (*loại*)  *Do đó*, chiều rộng là 12m, chiều dài là 240:12 = 20 (*m*)  Vậy: Mảnh đất có chiều rộng là 12m, chiều dài là 20m  Bài 47/59:  Gọi vận tốc xe của bác Hiệp là x(k*m/h*), x>0  Khi đó vận tốc của xe cô Liên là x – 3 (km/h)  Thời gian bác Hiệp đi từ làng lên tỉnh là (*giờ* )  Thời gian cô Liên đi từ làng lên tỉnh là (*giờ* )  Vì bác Hiệp đến trước cô Liên nữa giờ, tức là thời gian đi của bác Hiệp ít hơn thời gian đi của cô Liên nữa giờ nên ta có phương trình:    = (-3)2 + 720 = 729 > 0, = 27  x1 =15; x2 = -12 (*loại*)  *Vậy*: Vận tốc xe của bác Hiệp là 15 km/h  Vận tốc xe của cô Liên là 12km/h |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải bài toán bằng cách lập phương trình (M1)

- GV chốt lại nội dung tiết học về các dạng toán giải bài toán bằng cách lập phương trình

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Xem lại các bài tập đã giải

- Làm tiếp các bài tập còn lại SGK

+*Hướng dẫn* :

Bài 48/59:

Gọi chiều rộng của miếng tôn lúc đầu là x(*dm*), x > 0

Bài 49/59:

Gọi thời gian đội I làm một mình xong việc là x (*ngày*), x > 0

-Soạn bài:”*Ôn tập chương IV* ”

+Soạn 5 câu hỏi trang 60, 61 SGK

+Đọc kỹ phần tóm tắt các kiến thức cần nhớ

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**LUYỆN TẬP (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức:* Vận dụng kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình để giải các bài tập liên quan

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng đồng thời củng cố, khắc sâu kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình, thành thạo kỹ năng giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm hoặc công thức nghiệm thu gọn

*3. Thái độ:* Phát triển óc tư duy, óc tính toán, lập luận lôgíc và chặt chẽ

4-*Xác định nội dung trọng tâm:*Luyện giải bài toán bằng cách lập phương trình

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Giải bài toán bằng cách lập phương trình.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH** | - Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn  -Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình | -Hiểu được mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình  - Chọn nghiệm thỏa mãn điều kiện để rút ra kết luận | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình  - Dạng tìm một số chưa biết khi biết tích và tổng.  - Dạng tìm chiều dài của đoạn thẳng | Giaûi caùc bài toán bằng cách lập phöông trình  Dạng tính vận tốc |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra vở bài tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Hãy nêu các bước giải toán bằng cách lập pt? Các dạng toán về giải toán bằng cách lập pt? | Hs trả lời |
| Mục tiêu: Hs củng cố lại các kiến thức liên quan. Các dạng bài tập đã học về giải toán bằng cách lập pt  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các bước giải toán bằng cách lập pt. Các dạng toán về giải toán bằng cách lập pt. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs áp dụng được các bước giải toán bằng cách lập pt và các kiến thức liên quan để giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: Năng lực giải bài toán bằng cách lập phương trình | |
| GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.  GV: Bài toán yêu cầu gì?  GV: Bài toán dạng nào? Có các đại lượng nào tham gia? Nêu mối liên hệ giữa chúng?  GV: Gọi ẩn là đại lượng nào? ĐK?  GV: hãy biểu diễn các đại lượng đã biết và chưa biết thông qua ẩn?  GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.  GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.  GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.  GV: Hãy hoạt động nhóm để phân tích bài toán( bằng bảng) và tìm lời giải  GV: kiểm tra bảng phân tích của các nhóm và chọn vảng đúng nhất treo lên bảng  GV yêu cầu mỗi cá nhân HS làm bài vào phiếu học tập để nộp  GV: Ta cần phân tích những đại lượng nào?  (Thời gian hoàn thành công việc và năng suất làm một ngày)  GV: Hãy lập bảng phân tích các đại lượng và lập phương trình bài toán   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thời gian hoàn thành công việc | Năng suất một ngày | | Đội 1 | x (ngày ) | (CV) | | Đội 2 | x+ 6 (ngày) | (CV) | | Hai đội | 4( ngày) | (CV) | | Điều kiện : x > 0 | | |   GV Lưu ý: Với dạngï toán này Không được lấy thời gian hoàn thành công việc của đội 1 cộng với thời gian hoàn thành công việc của đội 2  để bằng thời gian hoàn thành công việc của cả hai đội | Bài 52 trang 60 SGK  Hướng dẫn  Gọi vận tốc của canô trong nước yên lặng là: x (km/h), x >3.  Vận tốc khi xuôi dòng là: x + 3 (km/h)  Vận tốc khi ngược dòng là: x - 3 (km/h)  Thời gian xuôi dòng là: (giờ)  Thời gian ngược dòng là: (giờ)  Nghỉ lại 40 phút hay 2/3 giờ ở B  Theo bài ra ta có phương trình:    Giải phương trình ta có: x1 = 12; x2 = -3/4 (loại)  Trả lời : Vận tốc canô trong nước yên lặng là 12 km/h  Bài 49 trang 59 SGK  Hướng dẫn  Gọi Thời gian đội 1 làm một mình hoàn thành công việc là x ( ngày) ( x > 0)  Thì thời gian đội 2 làm một mình hoàn thành công việc là x+ 6 (ngày)  Năng suất một ngày của đội 1 là công việc  Năng suất một ngày của đội là (CV)  Theo bài ta có phương trình      x1=6 (TMÑK) ; x2  = - 4 (KTMÑK)  Vậy đội 1 làm một mình hoàn thành công viêc trong 6 ngày  Ñội 2 làm một mình hoàn thành công việc trong 6 + 6 =12 (ngày) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải bài toán bằng cách lập phương trình (M1)

- GV chốt lại nội dung tiết học về các dạng toán giải bài toán bằng cách lập phương trình

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Xem lại các bài tập đã giải

- Làm tiếp các bài tập còn lại SGK

+Đọc kỹ phần tóm tắt các kiến thức cần nhớ

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**A. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức:* Thông qua việc giải bài tập HS củng cố lại các kiến thức đã học trong chương IV

*2.Kỹ năng:* Rèn các kỹ năng : vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a 0), giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình

*3.Thái độ:* Phát triển óc quan sát, óc phân tích, phán đoán, lập luận chặt chẽ, lôgich. Giáo dục tính thực tiễn

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* củng cố lại các kiến thức đã học trong chương IV

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Nhớ lại các kiến thức đã học trong chương IV

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **ÔN TẬP CHƯƠNG IV** | - Ôn lại cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 ,cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | -Hiểu được cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2  và y = ax + b ,cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | Vận dụng vẽ đồ thị hàm số y = ax2 ,cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình  Dạng tính vận tốc bài 65/64 |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (Kiểm tra vở bài tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| GV: Cho HS nhớ lại kiến thức mà các em đã học từ đầu chương đến nay trong vòng 3’  HS: Có thể viết ra giấy nháp điều mà các em suy nghĩ  H: Các em hãy sử dụng những kiến thức đã học để giải phương trình sau: ax2 + bx + c = 0  HS: Định hướng các cách giải phương trình đã cho mà em biết | I. Lý thuyết:  Cho phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0)  1/ *Công thức nghiệm tổng quát:* Đặt  = b2 – 4ac  Nếu  < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu  = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu  > 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  2/ *Công thức nghiệm thu gọn:* Đặt ’= 2 – ac  Nếu ’ < 0 Phương trình vô nghiệm  Nếu ’ = 0 Phương trình có nghiệm kép x1 = x2 =  Nếu ’> 0 phương trình có hai nghiệm phân biệt:  x1 = ; x2 =  3/ *Hệ thức Viét:*  Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0). Có hai nghiệm x1, x2 thì tổng và tích hai nghiệm đó là  4/*Nhẩm nghiệm theo hệ số a,b,c*:  a) Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a + b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = 1, x2 =  b)Nếu phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) có a - b + c = 0 thì phương trình có một nghiệm x1  = -1, x2 = -  5/ *Minh họa nghiệm bằng đồ thị*:  Phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 (a0) ax2 = -bx – c  Đặt y = ax2 (P) và y = -bx – c (d)  Vẽ đồ thị hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ.  Nghiệm của phương trình ax2 + bx + c = 0 chính là hoành độ giao điểm của hai đồ thị hàm số (P) và (d) .  - Nếu (P) không cắt (d) thì phương trình vô nghiệm.  - Nếu (P) tiếp xúc với (d) thì phương trình có nghiệm kép.  - Nếu (P) cắt (d) thì phương trình có hai nghiệm phân biệt |
| Mục tiêu: Giúp học sinh hệ thống lại các kiến thức đã học thông qua việc trả lời câu hỏi.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các cách giải phương trình bậc hai. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải bài tập.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: NL giải pt bậc hai | |
| -GV gợi ý, hướng dẫn HS nắm được hướng giải của bài tập. Cả lớp làm trên giấy nháp  1HS lên bảng. Cả lớp theo dõi, tham gia bổ sung, nhận xét. GV uốn nắn, sửa sai, chốt lại  **?**Nhận xét về dạng của phương trình?Có thể suy ngay ra nghiệm của phương trình không?  **?**Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 và y = ax + b ?  **?**Có nhận xét gì về giao điểm của hai đồ thị vừa vẽ?  Dựa vào nhận xét đó trả lời câu hỏi của bài tập?  -GV hướng dẫn cả lớp làm phiếu học tập bài tập 62/64 SGK  -1 HS lên bảng thực hiện  -GV thu một vài phiếu học tập nhận xét  -Dẫn dắt HS sửa bài trên bảng cùng bài trong phiếu học tập. Chốt lại  -HS *hoạt động nhóm*  bài tập 65/64 SGK  -Đại diện nhóm lên bảng trình bày  -GV các nhóm khác tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại | **Luyện tập** Bài 55/63:  a) x2 - x – 2 = 0  Phương trình có dạng : a - b + c  = 1 – (-1) + 2 = 0 nên có hai nghiệm:  x1 = ; x2 = -1  b) *Vẽ đồ thị*:  c) Dựa vào đồ thị ta thấy 2 giao điểm của hai đồ thị là A và B có hoành độ lần lượt là 2 và -1 chính là hai nghiệm tìm được của phương trình x2 – x – 2 trong câu a)  Bài 62/64: 7x2 +2(m - 1)x – m2 = 0  a) Để phương trình có nghiệm thì 0  ’=(m – 1) 2 – 7(-m2) = 8m2 +2m +1 > 0 với mọi giá trị của m  Vậy với mọi giá trị của m phương trình luôn có nghiệm  b) Gọi x1, x2 là hai nghiệm của phương trình ta có:  x12 + x2 2 =(x1 + x2 )2 – 2x1 -2x2    Bài 65/64:  Gọi vận tốc xe lửa thứ nhất là x(*km/h*), x > 0  Khi đó vận tốc xe lửa thứ hai là x + 5(*km/h*)  Thời gian xe lửa thứ nhất đi từ Hà Nội đến chỗ gặp nhau là (*giờ*)  Thời gian xe lửa thứ hai đi từ Bình Sơn đến chỗ gặp nhau là : (*giờ*)  Vì xe lửa thứ hai đi sau 1 giờ, nghĩa là thời gian đi đến chỗ gặp nhau ít hơn xe thứ nhất 1 giờ. Do đó, ta có phương trình:  Giải phương trình ta được:  x1= 45; x2 = -50 (*loại*)  *Vậy*: Vận tốc của xe lửa thứ nhất là 45km/h  Vận tốc của xe lửa thứ hai là 50km/h |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố sau mỗi bài tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Ôn kỹ các lý thuyết trong chương và xem lại các bài tập đã giải

-HS làm bài tập 54, 56, 57, 58, 59 trang 63 SGK, 60, 61, 63,64, 66 trang 64 SGK

\**Hướng dẫn* :

Bài 54 /63: Vẽ đồ thị rồi dựa vào đồ thị để tìm điểm theo yêu cầu của bài

Bài 61/64: dựa vào hệ thức Viét

-Chuẩn bị kỹ để tiết sau ôn tập tiếp

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

**Tuần: Ngày soạn:**

**Tiết: Ngày dạy:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU**:

*1. Kiến thức:* Thông qua việc giải bài tập HS củng cố lại các kiến thức đã học trong chương

*2.Kỹ năng:* Rèn các kỹ năng : Giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình

*3.Thái độ:* Phát triển óc quan sát, óc phân tích, phán đoán, lập luận chặt chẽ, lôgich. Giáo dục tính thực tiễn

4-*Xác định nội dung trọng tâm:* Củng cố lại các kiến thức đã học trong chương IV

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Nhớ lại các kiến thức đã học trong chương IV

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **ÔN TẬP CHƯƠNG IV ( tt)** | - Ôn lại cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | -Hiểu được cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | Vận dụng cách giải phương trình bậc hai bằng công thức nghiệm, cách giải các phương trình trùng phương, hệ thức Viét, giải bài toán bằng cách lập phương trình | Giải các bài toán bằng cách lập phương trình  Dạng tính vận tốc bài 60/sgk trang 64 |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh)

**3. Khởi động: (ôn tập lý thuyết)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| *Hoạt động 1: Ôn tập lí thuyết* **(***7 p)*  - Viết công thức nghiệm và công thức nghiệm thu gọn ?  - Yêu cầu hai HS lên bảng viết các công thức nghiệm  - HS dưới lớp theo dõi và nhận xét  Viết hệ thức Vi - ét cho phương trình bậc hai  - Nêu cách tìm hai số u , v khi biết tổng và tích của chúng.  - HS: Nếu hai số u và v thoả mãn  (S2  4P)  Thì u và v là nghiệm của phương trình bậc hai: x2 - Sx + P = 0 | ***I. Lý thuyết***  1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai:  Cho phương trình bậc hai:    +) Nếu Δ > 0  phương trình có hai nghiệm:  ;  +) Nếu Δ= 0  phương trình có nghiệm kép là:  +) Nếu Δ < 0  phương trình vô nghiệm  2. Hệ thức Vi - ét và ứng dụng .  Nếu phương trình bậc hai:  Có 2 nghiệm x1 và x2 thì |
| Mục tiêu: Củng cố cho Hs những kiến thức liên quan  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: NL giải các bài toán về pt bậc hai | |
| *Hoạt động 2: Bài tập* **(***30 p)*  - GV nêu nội dung bài tập và yêu cầu học sinh nêu dạng phương trình và cách làm bài tập này ?  - Để giải phương trình:  ta làm như thế nào ?  - HS làm sau đó lên bảng trình bày lời giải .  +) GV nhận xét chốt lại cách làm :  - Chú ý: dạng trùng phương và cách giải tổng quát .  - Nêu cách giải phương trình trên  - Ta phải biến đổi như thế nào ? và đưa về dạng phương trình nào để giải ?  - Gợi ý : quy đồng , khử mẫu đưa về phương trình bậc hai một ẩn rồi giải phương trình  - Học sinh làm sau đó đối chiếu với đáp án của GV .  - Phương trình trên có dạng nào ? để giải phương trình trên ta làm như thế nào ? theo các bước nào ?  - Học sinh làm vào vở, GV kiểm tra và nhận xét và khắc sâu cho học sinh cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu.  - GV đưa đáp án trình bày bài giải mẫu của bài toán trên học sinh đối chiếu và chữa lại bài.  - Nếu phương trình bậc hai có nghiệm thì tổng và tích các nghiệm của phương trình thoả mãn hệ thức nào ?  - Học sinh phát biểu nội dung hệ thức  Vi - ét  - Vậy nếu biết một nghiệm của phương trình ta có thể tìm nghiệm còn lại theo Vi - ét được không ? áp dụng tìm các nghiệm còn lại trong các phương trình trên ?  - GV cho học sinh làm sau đó nhận xét và chốt lại cách làm ?  - Có thể dùng hệ thức tổng hoặc tích để tìm x2 ?  - Hai số u ,v là nghiệm của phương trình nào nếu biết  và  ?  - Hai số đó là nghiệm của phương trình bậc hai:  - Vậy áp dụng vào các bài toán trên ta có u , v là nghiệm của các phương trình bậc hai nào ?  HS:  - Hãy giải phương trình này để tìm 2 số **u** và **v.**  - Hãy áp dụng hệ thức Vi - ét để tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng . | **2. Bài tập 56:** (Sgk - 63)  Giải phương trình:  a)  (1)  Đặt x2 = t (Đ/K: t ≥ 0)  Ta có phương trình:  (2)(a = 3; b = -12; c = 9)  Vì : a + b + c = 3 + (-12) + 9 = 0  Nên phương trình (2) có hai nghiệm là:  t1 = 1; t2 = 3  +) Với t1 = 1  x2 = 1  x =  +) Với t2 = 3  x2 = 3  x =  Vậy phương trình (1) có 4 nghiệm là:  x1 = -1; x2 = 1;  **3. Bài tập 57:** (Sgk - 64)  Giải phương trình:  b)  6x2 - 20x = 5 (x + 5 )  6x2 - 25x - 25 = 0  (a = 6; b = - 25; c = - 25)  Ta có Δ = ( -25)2 - 4.6.(-25) = 25. 49 > 0    Vậy phương trình (1) có hai nghiệm phân biệt là:  x1 =  c)  (1)  - ĐKXĐ: x ≠ 0 và x ≠ 2  - Ta có phương trình (1)  (2)  x2 + 2x - 10 = 0 (3)  (a = 1; b' = 1; c = -10)  Ta có : Δ' = 12 - 1. (-10) = 11 > 0   phương trình (3) có hai nghiệm phân biệt là:    - Đối chiếu điều kiện ta thấy hai nghiệm trên đều thoả mãn phương trình (1)  phương trình (1) có hai nghiệm là:  **4. Bài tập 60:** (Sgk - 64)  a) pt 12x2 - 8x + 1 = 0 có nghiệm x1 =  Theo Vi - ét ta có: x1.x2 =  x2 =  Vậy phương trình có hai nghiệm là:    c) Phương trình  có nghiệm  x1 =  theo Vi - ét ta có:  x1.x2 =  x2 =   x2 =  **5. Bài tập 61:** (Sgk - 64)  a) Vì u + v = 12 và u.v = 28 nên theo  Vi - ét ta có u, v là nghiệm của phương trình: x2 - 12 x + 28 = 0  Ta có Δ' = (- 6)2 - 1.28 = 36 - 28 = 8 > 0  Phương trình có hai nghiệm x1 = ;  Do u > v  ta có  u = x1 =  b) Theo bài ra ta có u + v = 3 ; u.v = - 3  nên theo Vi - ét thì u , v là nghiệm của phương trình bậc hai : x2 - 3x - 3 = 0  Có Δ = (-3)2 - 4.1.(-3) = 9 + 12 = 21 > 0    Phương trình có 2 nghiệm:    Vậy ta có hai số u; v là:  (u, v) = |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

GV khắc sâu cho học sinh cách giải phương trình bậc hai và cách biến đổi phương trình qui về phương trình bậc hai.

*b. Hướng dẫn về nhà*

\**Hướng dẫn* :

Bài 54 /63: Vẽ đồ thị rồi dựa vào đồ thị để tìm điểm theo yêu cầu của bài

Bài 61/64: dựa vào hệ thức Viét

-Chuẩn bị kỹ để tiết sau ôn tập tiếp

- Tiếp tục ôn tập về công thức nghiệm của phương trình bậc hai

- Ôn tập về hệ thức Vi- ét và các ứng dụng của hệ thức Vi - ét để nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn.

- Làm bài tập còn lại ( Sgk trang 63, 64)

- Ôn tập lại các kiến thức đã học về căn bậc hai và căn bậc ba, làm các bài tập phần ôn tập cuối năm trong sgk trang 131, 132 ( bài tập từ 1 đến 5)

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------